

CÔNG TY CP BÊ TÔNG VÀ XD VINACONEX XUÂN MAI
CÔNG TY CP XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

ĐT : 0211. 3895 .703

FAX : 0211. 3895 574

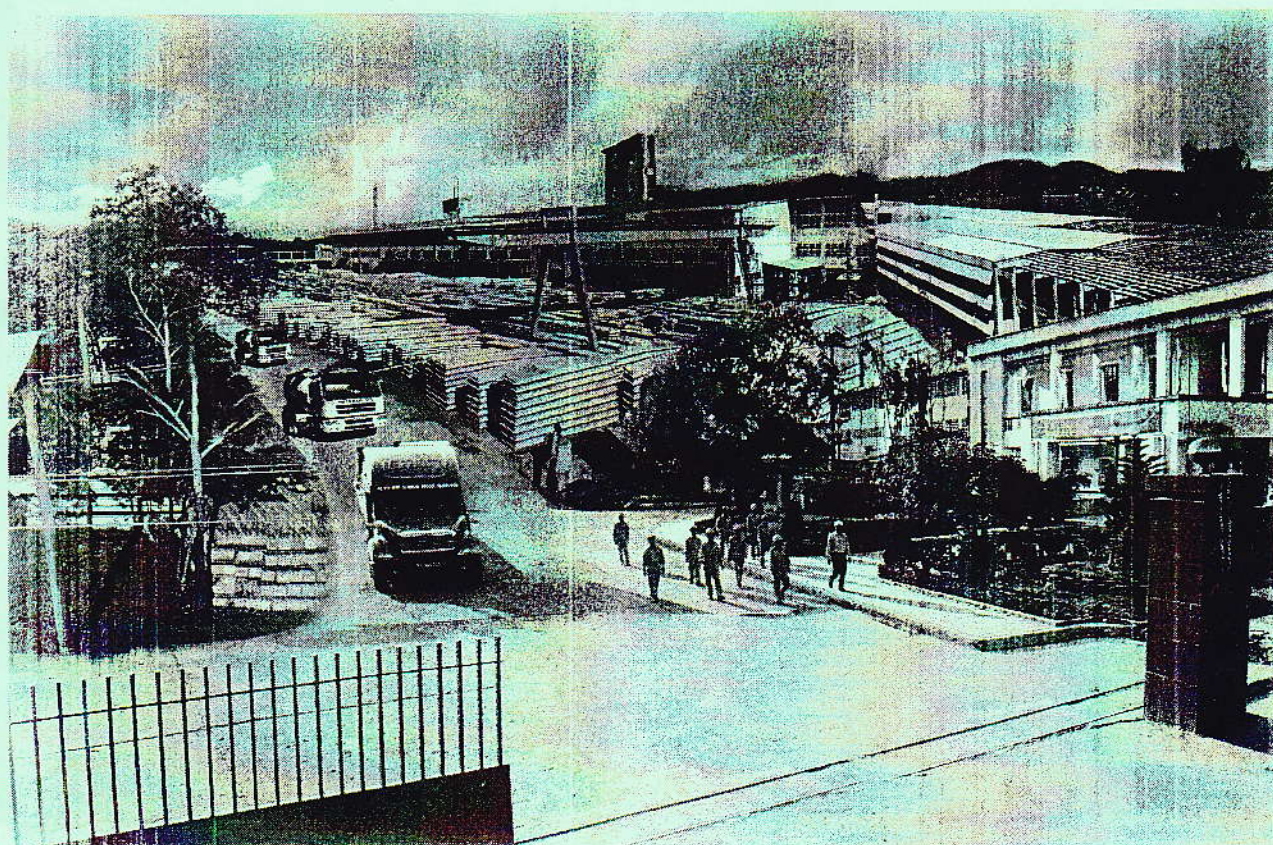
Website : www.betongdaotu.com

Email : vinaconexdaotu@gmail.com

Địa chỉ : Đạo tú – Tam Dương – Vĩnh Phúc

===== @ =====

HỒ SƠ PHÁP LÝ & NĂNG LỰC



UY TÍN - CHẤT LƯỢNG - HIỆU QUẢ CHO MỌI CÔNG TRÌNH

Vĩnh Phúc, năm 2012

LỜI MỞ ĐẦU

----- * * * -----

Công ty cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú là một trong những doanh nghiệp có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất cấu kiện bê tông dự ứng lực xin gửi tới quý khách hàng lời chào trân trọng.

Công nghệ bê tông dự ứng lực trước đây chỉ được sử dụng phổ biến tại một số nước Châu Âu và Bắc Mỹ với những ưu điểm nổi bật như tiết kiệm vật liệu, tiết kiệm nhân công, thi công vượt khẩu độ lớn, cải thiện chất lượng sản phẩm và đẩy nhanh tiến độ xây dựng các công trình phù hợp cho các nhà cao tầng, các công trình công cộng như nhà chung cư cao tầng, công trình cầu đường, nhà xưởng công nghiệp có khẩu độ lớn.

Năm 1999, Liên doanh VINAROSE (hợp tác giữa VINACONEX và Hãng RONVEAUX Vương quốc Bỉ) đã hợp tác triển khai công nghệ bê tông dự ứng lực tại Công ty CP bê tông và xây dựng Vinaconex Xuân Mai, năm 2004 triển khai tại Công ty CP Xuân Mai - Đạo Tú.

Với đội ngũ kỹ sư, cán bộ công nhân dày dặn kinh nghiệm. Hệ thống nhà xưởng trước đây được xây dựng & chuyển giao bởi Cộng hoà dân chủ Đức, tới nay được đầu tư trang thiết bị hiện đại với tổng diện tích mặt bằng công ty trên 126.000m². Trong đó xưởng sản xuất trên 40.000m², diện tích kho bãi thành phẩm trên 50.000m², diện tích nhà ở của cán bộ công nhân viên 36.000m². Công ty luôn sẵn sàng đáp ứng tiến độ đồng thời của nhiều dự án lớn với năng lực sản xuất như sau:

- Năng lực sản xuất Cọc bê tông dự ứng lực các loại đạt 800-1000m cọc / ngày.
- Năng lực sản xuất Tấm sàn bê tông dự ứng lực đạt 600-800m² sàn / ngày.
- Năng lực sản xuất Cột - Dầm bê tông các loại đạt 60-70m³ / ngày.
- Năng lực sản xuất bê tông thương phẩm đạt 400-500m³ / ngày.

Các sản phẩm bê tông dự ứng lực của Công ty đã đạt giải thưởng nhà nước về khoa học công nghệ cùng nhiều huân huy chương của Bộ, ngành xây dựng.

Với quy trình quản lý chất lượng chặt chẽ theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008 , chất lượng sản phẩm luôn được bảo đảm đúng theo tiêu chuẩn thiết kế.



1. GIÁ TRỊ CƠ BẢN CỦA CÔNG TY CP XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

- . Con người là nguồn tài sản vô giá, là sức mạnh dẫn đến thành công của Công ty
- . Cán bộ công nhân viên trong công ty luôn đoàn kết, hợp tác, kỷ luật trong công việc. Đặt niềm tin tuyệt đối vào ban lãnh đạo Công ty.
- . Chất lượng sản phẩm là dịch vụ tốt nhất, liên tục lắng nghe ý kiến đóng góp của khách hàng.
- . Lợi nhuận là yếu tố sống còn của sự tồn tại và phát triển của Công ty.
- . Các cổ đông là tài sản dài hạn, đồng hành cùng quá trình phát triển của Công ty.

2. NGUYÊN TẮC ĐỊNH HƯỚNG CỦA CÔNG TY CP XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

- . Khách hàng là trung tâm của mọi công việc là đối tượng phục vụ quan trọng nhất.
- . Chất lượng, tiến độ sản phẩm thoả mãn yêu cầu của khách hàng là ưu tiên số một
- . Đoàn kết mọi người cùng nhau hợp tác trong công việc.

3. CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

- . Mọi cán bộ công nhân viên trong công ty luôn làm việc với phương châm “ Tất cả cho chất lượng sản phẩm vì sự phát triển bền vững của công ty”
- . Công ty luôn nỗ lực cải tiến sản phẩm để thoả mãn nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng.
- . Công ty cam kết duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 theo hướng ngày càng năng động & hiệu quả.

Chúng tôi rất lấy làm vinh dự được phục vụ quý khách hàng trong công việc sản xuất cấu kiện bê tông dự ứng lực phục vụ thi công lắp đặt công trình, đồng thời chúng tôi sẵn sàng tham gia tư vấn khảo sát, lập phương án thiết kế, thi công giúp quý khách triển khai dự án một cách đồng bộ, chuyên nghiệp và đạt hiệu quả cao.

Rất mong hợp tác cùng quý khách hàng, Chúc quý khách sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Trân trọng!

CÔNG TY CP XUÂN MAI - ĐẠO TÚ



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh

CÔNG TY CP BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VINACONEX XUÂN MAI
CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Điện thoại: 0211.3895703

Fax: 0211.3895574

Website: www.betongdaotu.com

Email: xuanmaidaotu@yahoo.com

Địa chỉ: Đạo Tú - Tam Dương - Vĩnh Phúc

===o0o===

PHẦN I

HỒ SƠ PHÁP LÝ

- 1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*
- 2. Giấy chứng nhận đăng ký thuế*
- 3. Quyết định thành lập Công ty CP Xuân Mai - Đạo Tú*
- 4. Quyết định tăng vốn điều lệ Cty CP Xuân Mai - Đạo Tú*
- 5. Hợp đồng bảo hiểm con người*



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH VINH PHÚC
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ ĐĂNG KÝ THUẾ
CÔNG TY CỔ PHẦN**
(Bản Sao)

MSDN: 2500302820

(Giấy CNĐKKD cũ số: 1903 000 500)

Đăng ký lần đầu, ngày 11 tháng 06 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ 03, ngày 03 tháng 08 năm 2010

1. Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ
Tên Công ty viết bằng tiếng nn: XUANMAI DAOTU JOINT STOCK COMPANY
Tên Công ty viết tắt: XMD

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Khu phố Bê Tông - Xã Đạo Tú - Huyện Tam Dương - Tỉnh Vĩnh Phúc

Điện thoại: 0211 3 895 576

Email: xuanmaidaotu@yahoo.com

Fax: 0211 3 895 574

Website: betongdaotu.com.vn

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình cầu đường, thủy lợi	4100; 4210
2	Xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp (như thi công nhà công nghiệp, nhà ở, các hệ thống điện, làm đường, san lấp mặt bằng hạ tầng cơ sở)	4390
3	Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, các cấu kiện bê tông, các loại ống, cống thoát nước	2392; 4663
4	Vận tải hàng hoá, vận tải hàng siêu trường, siêu trọng	4933
5	Chế tạo và lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây truyền công nghệ, thiết bị tự động hoá trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng	
6	Sản xuất đá thành phẩm	2393
7	Khai thác đá	0810
8	Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng	4661
9	Dịch vụ thí nghiệm các vật liệu xây dựng và kiểm định chất lượng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ	7110
10	Kinh doanh bất động sản	6810



4. Vốn điều lệ:	40.000.000.000,0	đồng Việt Nam
Mệnh giá cổ phần:	10.000,0	đồng Việt Nam
Số cổ phần và giá trị cổ phần đã góp:	4.000.000,0	cổ phần
Số cổ phần được quyền chào bán:	0	cổ phần

5. Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc địa chỉ trụ sở chính	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (Tr.đ)	Tỷ lệ góp (%)	Số CMND/ Giấy CNĐKKD
1	CÔNG TY CP BT & XD VINACONE X XUÂN MAI Đại diện: TRẦN TRỌNG DIỄN TRẦN VĂN TUẤN NGUYỄN MINH TUẤN VŨ NGỌC NHO	Xã Thủy Xuân Tiên - Huyện Chương Mỹ - TP Hà Nội Xã Thủy Xuân Tiên - Huyện Chương Mỹ - TP Hà Nội Xã Thủy Xuân Tiên - Huyện Chương Mỹ - TP Hà Nội Xã Thủy Xuân Tiên - Huyện Chương Mỹ - TP Hà Nội Xã Thủy Xuân Tiên - Huyện Chương Mỹ - TP Hà Nội Xã Thủy Xuân Tiên - Huyện Chương Mỹ - Thành Phố Hà Nội	Phổ thông	2.600.000	26.000	65%	0303000122 111 222 336 111 356 265 111544122 111984803
2	NGUYỄN TRANH	Xã Thủy Xuân Tiên - Huyện Chương Mỹ - TP Hà Nội	Phổ thông	88.400	884	2,21 %	111 222 365
3	TRẦN BÌNH HẢI	SN 34 - Phố Phó Đức Chính - Phường Trúc Bạch - Quận Ba Đình - TP Hà Nội	Phổ thông	76.600	766	1,92 %	012 614 456
4	Các cổ đông khác		Phổ thông	1.235.000	12.350	30,88 %	

6. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

Chức danh: **Giám đốc**

Họ và tên: **NGUYỄN TRANH**

Giới tính: **Nam**

Sinh ngày: **20/03/1959**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Chứng minh nhân dân số: 111 222 365

Ngày cấp: 09/04/2003

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Tây (cũ)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Xuân Trung - Xã Thủy Xuân Tiên - Huyện Chương Mỹ - TP Hà Nội

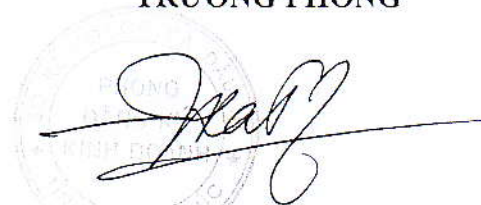
Chỗ ở hiện tại:

Xã Đạo Tú - Huyện Tam Dương - Tỉnh Vĩnh Phúc

Chữ ký:

7. Tên, địa chỉ Chi nhánh:

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Văn Trọng

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

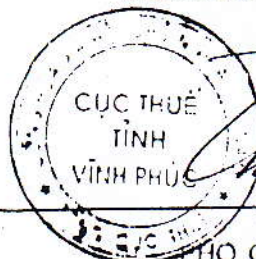
Mẫu số:
Form No
10- MST

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ THUẾ
CERTIFICATE OF TAX REGISTRATION

MÃ SỐ NGƯỜI NỘP THUẾ TAX IDENTIFICATION NUMBER	2500302820
TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ FULL NAME OF TAXPAYER	CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI- ĐẠO T
SỐ, NGÀY THÁNG NĂM GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH HOẶC GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ NUMBER AND DATE OF BUSINESS REGISTRATION CERTIFICATE OR ESTABLISHMENT AND OPERATION CERTIFICATE, INVESTMENT CERTIFICATE	1903000500 11/06/2008
SỐ, NGÀY THÁNG NĂM CỦA QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP NUMBER AND DATE OF ESTABLISHMENT DECISION	
SỐ, NGÀY THÁNG NĂM, NƠI CẤP CHỨNG MINH THƯ NHÂN DÂN NUMBER OF IDENTITY CARD ISSUED ON (DD/MM/YY) IN.....	
NGÀY CẤP MÃ SỐ THUẾ DATE OF ISSUING TAX IDENTIFICATION NUMBER	02/07/2008
CƠ QUAN THUẾ QUẢN LÝ TRỰC TIẾP TAX DEPARTMENT IN CHARGE	CHI CỤC THUẾ HUYỆN TAM DƯƠNG

Ngày ..03..tháng...07 năm ...2008
(dd/mm/yy).

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
DIRECTOR OF TAX DEPARTMENT



THO CỤC TRƯỞNG

LƯU Ý:

1. Tổ chức và cá nhân nộp thuế có trách nhiệm kê khai đăng ký thuế để cấp mã số thuế và kê khai bổ sung những thông tin đăng ký thuế thay đổi với cơ quan thuế.
2. Mỗi một tổ chức, cá nhân nộp thuế chỉ được cấp một mã số duy nhất bắt đầu từ khi mới thành lập, sử dụng trong suốt quá trình hoạt động, cho đến khi chấm dứt tồn tại. Một mã số thuế được gắn liền với một pháp nhân hoặc thể nhân nộp thuế. Một pháp nhân nộp thuế chấm dứt tồn tại mã số thuế sẽ không còn giá trị sử dụng. Tổ chức, cá nhân nộp thuế thay đổi tư cách pháp nhân thì pháp nhân mới phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế để được cấp mã số thuế mới. Mã số thuế cho thể nhân sẽ không thay đổi trong suốt cuộc đời của cá nhân đó, cơ quan thuế không cấp mã số thuế mới cho các cá nhân nộp thuế đã được cấp mã số thuế.
3. Tổ chức và cá nhân nộp thuế phải sử dụng mã số thuế để thực hiện các thủ tục kê khai, nộp thuế với cơ quan thuế. Khi chấm dứt hoặc ngừng, nghỉ hoạt động, đối tượng nộp thuế phải kê khai với cơ quan thuế và không được sử dụng mã số thuế trong thời gian ngừng, nghỉ hoạt động kinh doanh.
4. Tổ chức và cá nhân nộp thuế phải ghi mã số thuế trên mọi giấy tờ giao dịch, hợp đồng kinh tế, hoá đơn, chứng từ mua, bán hàng hoá, dịch vụ, sổ sách kế toán, tờ khai thuế, chứng từ nộp thuế.
5. Tổ chức và cá nhân nộp thuế khi chấm dứt hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thực hiện thủ tục đóng mã số thuế và không được phép sử dụng lại mã số thuế đã bị đóng.
6. Tổ chức và cá nhân nộp thuế vi phạm về đăng ký thuế và sử dụng mã số thuế sẽ bị xử phạt cho các hành vi vi phạm về kê khai đăng ký thuế đã nêu trong các văn bản pháp quy về thuế và xử phạt hành chính trong lĩnh vực thuế.
7. Khi có thay đổi các thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Tổ chức và cá nhân nộp thuế mang giấy chứng nhận này đến cơ quan thuế để được cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế mới.
8. Trường hợp mất giấy chứng nhận đăng ký thuế phải báo ngay cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý thuế và làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thuế theo qui định.

TCTY CP XNK & XÂY DỰNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XD
VINACONEX XUÂN MAI

Số: H.30 QĐ/BTXM-TCHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Xuân Mai, ngày 20 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VINACONEX XUÂN MAI
V/v: Chuyển Chi nhánh Vĩnh Phúc đơn vị phụ thuộc Công ty cổ phần bê tông và xây dựng Vinaconex Xuân Mai thành Công ty cổ phần Xuân Mai- Đạo Tú

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VINACONEX XUÂN MAI

- Căn cứ Quyết định số 1434/QĐ-BXD ngày 30/10/2003 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Nhà máy bê tông và xây dựng Xuân Mai thành Công ty cổ phần.
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần bê tông và xây dựng VINACONEX Xuân Mai được Hội đồng quản trị Công ty thông qua
- Căn cứ Nghị quyết số 298 NQ/BTXM-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2008 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2008 Công ty cổ phần bê tông và XD Vinaconex Xuân Mai
- Căn cứ vào Nghị quyết số 02 NQ/TK-HĐQT ngày 09 tháng 5 năm 2008 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần bê tông và XD Vinaconex Xuân Mai về việc thông qua phương án thành lập Công ty cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Chuyển Chi nhánh Công ty cổ phần bê tông và xây dựng Vinaconex Xuân Mai tại Vĩnh Phúc thành Công ty cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú

Điều 2: Công ty cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú có:

- 2.1. Tên Công ty cổ phần: Công ty cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú
- 2.2. Tên giao dịch quốc tế: Xuan Mai - Dao Tu Joint Stock Company
- 2.3. Tên viết tắt: XMD
- 2.4. Trụ sở chính: Xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.
- 2.5. Công ty cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam; thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật; được tổ chức và hoạt động



theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty cổ phần được Đại hội đồng cổ đông thông qua và đăng ký kinh doanh theo Luật định.

2.6. Vốn cổ phần:

- Vốn điều lệ: 21.500.000.000 đồng (Hai mươi một tỷ năm trăm triệu đồng)
- Cổ phần phát hành: 2.150.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là: 10.000 đồng với giá trị là 21.500.000.000 đồng

Điều 3: Công ty cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú có ngành nghề kinh doanh chính :

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.
- Thi công xây dựng cầu, đường, công trình thủy lợi
- Xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp
- Kinh doanh phát triển nhà, trang trí nội thất.
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, các loại cấu kiện bê tông, các loại ống cấp thoát nước.
- Kinh doanh vận chuyển hàng hoá, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng.
- Chế tạo lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây chuyền công nghệ, thiết bị tự động hoá trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng.

Điều 4: Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần bê tông và xây dựng Vinaconex Xuân Mai tại Vĩnh Phúc có trách nhiệm bàn giao toàn bộ vốn, tài sản, lao động ... cho Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú theo đúng quy định hiện hành.

Điều 5: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông uỷ viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty, Giám đốc chi nhánh Vĩnh Phúc và trưởng các đơn vị, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều
- Lưu TCHC



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIỂM GIÁM ĐỐC
Dặng Hoàng Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ
XD VINACONEX XUÂN MAI
CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32.QĐ/HĐQT

Đạo Tú, ngày 22 tháng 7 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Tăng vốn điều lệ cho công ty CP Xuân Mai - Đạo Tú)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ chức năng, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công ty cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú được chủ tịch hội đồng quản trị công ty CP Công ty cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai quy định trong Quyết định số 430QĐ/BTXM-TCHC ngày 20 tháng 05 năm 2008;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động và tổ chức của Công ty cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú được Đại hội đồng cổ đông sáng lập thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2008;
- Căn cứ Biên bản số 34BB/HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú họp ngày 22 tháng 7 năm 2010;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Tăng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú từ 21.500.000.000 đồng (Hai mươi một tỷ năm trăm triệu đồng) lên 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông: Ủy viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng, Ban, Xưởng đội có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2
- Lưu TCHC



CHỦ TỊCH HĐQT
Trần Trọng Diên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM KẾT HỢP CON NGƯỜI

Số: 0112/019/1.04/2011

- Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 28 tháng 10 năm 1995;
- Căn cứ Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2001/QH ngày 9/12/2000;
- Căn cứ Nghị định số 42/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2001 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thực hiện một số điều luật kinh doanh bảo hiểm;
- Căn cứ chức năng, nghĩa vụ và quyền hạn của hai Bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 7 năm 2011 tại Văn phòng Bảo hiểm bưu điện Vĩnh Phúc, hai Bên chúng tôi gồm:

Một bên là : CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI ĐẠO TÚ
(Sau đây gọi tắt là Bên B)

Địa chỉ : Đạo Tú — Tam Dương — Vĩnh Phúc
Điện thoại : 0211.2215457 Fax: 0211.3.895574
Mã số thuế : 2500302820
Do ông : Nguyễn Tranh
Chức vụ : Giám đốc — Làm đại diện

Một bên là : CÔNG TY BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN VĨNH PHÚC
(Sau đây gọi tắt là Bên B)

Địa chỉ : Số 2 Ngô Quyền — Vĩnh Yên — Vĩnh Phúc
Điện thoại : 0211.3.721 388 Fax: 0211.3.721 222
Mã số thuế : 0100774631-019
Tài khoản số : 0361001468308 tại Ngân hàng ngoại thương Vĩnh Phúc
Do ông : Phạm Anh Hải
Chức vụ : Phó Giám đốc — làm đại diện

Hai Bên cùng nhau thoả thuận và thống nhất ký kết hợp đồng bảo hiểm kết hợp con người theo những điều khoản cụ thể dưới đây:

Điều 1: Điều kiện bảo hiểm

Bên B nhận bảo hiểm cho người lao động thuộc quyền quản lý của Đơn vị TGBH theo điều khoản bảo hiểm con người kết hợp ban hành kèm theo quyết định số: 115/2004/QĐ-PTI, ngày 26 tháng 5 năm 2004 của Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (có danh sách đính kèm), theo điều kiện bảo hiểm dưới đây:

1. Điều kiện bảo hiểm A: Chết do ốm đau, bệnh tật;
2. Điều kiện bảo hiểm B: Chết hoặc thương tật thân thể do tai nạn;
3. Điều kiện bảo hiểm C: Trợ cấp nằm viện và phẫu thuật.

Rủi ro được bảo hiểm xảy ra ở điều kiện nào thì được giải quyết quyền lợi theo điều kiện đó.

Điều 2: Số tiền bảo hiểm

1. Số tiền bảo hiểm điều kiện A: 5 triệu đồng/người/vụ.
2. Số tiền bảo hiểm điều kiện B: 5 triệu đồng/người/vụ.

3. Số tiền bảo hiểm điều kiện C: 5 triệu đồng/người/vụ.

Điều 3: Phí bảo hiểm

- Tổng số người tham gia bảo hiểm là: 571 người
 - Phí bảo hiểm trung bình: 48,500 đ/người/năm
- Phí bảo hiểm phải nộp: 571 người x 48,500 đ = 27,693,500 đồng
(*Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, sáu trăm chín mươi ba ngàn, năm trăm đồng*).
- Phương thức thanh toán: Một lần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
 - Thời hạn thanh toán: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng bảo hiểm.

Điều 4: Hiệu lực hợp đồng và hiệu lực bảo hiểm

Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01/07/2011 đến 01/07/2012 và mặc nhiên có hiệu lực tiếp theo nếu một trong hai Bên không huỷ bỏ hoặc sửa đổi bổ sung hợp đồng. Trường hợp một trong hai Bên muốn sửa đổi hoặc bổ sung hợp đồng thì phải thông báo cho Bên kia biết bằng văn bản trước 30 ngày khi hết hạn hợp đồng.

Trường hợp Đơn vị TGBH không đóng phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn thì bảo hiểm chỉ có hiệu lực kể từ khi Đơn vị TGBH thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ.

Trừ khi có thoả thuận khác bằng văn bản, trong mọi trường hợp, hiệu lực bảo hiểm sẽ tự động chấm dứt từ khi bên A không thanh toán phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại khoản 3, Điều 3 trong Hợp đồng bảo hiểm này.

Điều 5. Trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên

1. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên A

- a) Thông báo cho Bên B khi có sự thay đổi về người được bảo hiểm để bên A điều chỉnh danh sách người tham gia bảo hiểm và phí bảo hiểm kịp thời;
- b) Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, thực hiện mọi biện pháp cần thiết và hợp lý nhằm cứu chữa nạn nhân;
- c) Hoàn tất hồ sơ, giấy tờ liên quan tới sự kiện bảo hiểm để giải quyết trả tiền bảo hiểm theo yêu cầu của Bên B;

2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên B:

- a) Khi nhận được thông báo điều chỉnh danh sách người được bảo hiểm của bên A, bên B có trách nhiệm xác nhận danh sách điều chỉnh đó và tính phí bảo hiểm;
- b) Trong trường hợp cần thiết, khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, bên B có trách nhiệm phối hợp với các bên liên quan để giải quyết hậu quả rủi ro.
- c) Hướng dẫn Bên A thu thập và hoàn thiện hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm;

Điều 6: Không thuộc phạm vi bảo hiểm

- Hành động cố ý của người được bảo hiểm hoặc của người thụ hưởng trừ trường hợp Người được bảo hiểm có hành động cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân và tham gia chống các hành động phạm pháp;

- Người được bảo hiểm vi phạm nghiêm trọng pháp luật, nội quy, quy định của chính quyền địa phương và các tổ chức xã hội vi phạm nghiêm trọng luật lệ an toàn giao thông;

- Người được bảo hiểm bị ảnh hưởng của rượu bia, ma túy và các chất kích thích tương tự khác;

- Người được bảo hiểm nằm viện điều trị những bệnh suy nhược cơ thể, suy nhược thần kinh, thoái hoá cột sống, gai đốt sống, não úng thủy, thoát vị bẹn, bệnh về tim mạch như tứ chứng Fallot, tam chứng Faltot, cơn ống động mạch thông liên tâm nhĩ, thông liên tam thất, các bệnh di truyền, các dị tật như hở hàm ếch, sứt môi, vẹo vách ngăn, mất chi biến dạng các cơ quan, bộ phận cơ thể hoặc điều trị tại các viện điều dưỡng, an dưỡng.



CHỖ
ĐÓNG
CHỮ
HỌ TÊN
CHỖ
ĐÓNG
CHỮ
HỌ TÊN

- Điều trị hoặc phẫu thuật các bệnh tật bẩm sinh và những chỉ định có từ trước ngày tham gia bảo hiểm;
- Nằm viện để kiểm tra sức khỏe, giám định y khoa mà không liên quan đến việc điều trị bệnh tật hoặc điều trị tại các viện điều dưỡng, an dưỡng;
- Tạo hình thẩm mỹ, chỉnh hình, phục hồi chức năng, làm giả các bộ phận của cơ thể;
- Thực hiện các biện pháp kế hoạch hoá sinh đẻ;
- Người được bảo hiểm mắc các bệnh giang mai, lậu, HIV/AIDS, sốt rét lao và các bệnh nghề nghiệp.

Điều 7: Điều khoản bổ xung

Trường hợp số lượng người lao động thuộc Đơn vị TGBH có sự thay đổi, hợp đồng bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo sự thay đổi đó với điều kiện Đơn vị TGBH phải thông báo bằng văn bản cho Bên B chậm nhất 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi. Phí bảo hiểm tăng hoặc giảm sẽ được tính toán điều chỉnh cụ thể theo tỷ lệ ngày tham gia bảo hiểm.

Điều 8: Thủ tục giải quyết bồi thường

Khi xảy ra rủi ro thuộc trách nhiệm bồi thường của Bên B theo các cam kết trong hợp đồng này, được nêu ở Điều 1 thì Bảo hiểm Bưu điện có trách nhiệm giải quyết trả tiền bảo hiểm trong vòng 07 ngày kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm của người được bảo hiểm hoặc Đơn vị Tham gia bảo hiểm, người được bảo hiểm hay thân nhân người được bảo hiểm lập hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm gồm:

1. Giấy yêu cầu trả tiền bảo hiểm (giấy này do Bên B cung cấp);
2. Biên bản tai nạn có xác nhận của Cơ quan hoặc Chính quyền địa phương (trường hợp tai nạn);
3. Toàn bộ chứng từ y tế liên quan đến việc điều trị: Giấy ra viện, hoá đơn viện phí, phiếu mổ (trường hợp phẫu thuật).
4. Giấy chứng tử, giấy chứng nhận quyền thừa kế hợp pháp (trường hợp chết)

Điều 9: Điều khoản thi hành

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều quy định trong hợp đồng này. Bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật;

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu xảy ra tranh chấp, hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng, trường hợp hai bên không giải quyết được bằng thương lượng thì sẽ đưa ra toàn án để giải quyết.

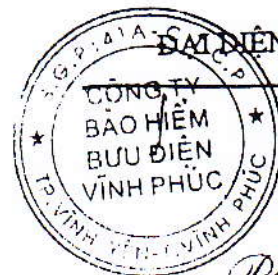
Hợp đồng này làm thành 04(sáu) bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh



ĐẠI DIỆN BÊN B

PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Anh Hải

CÔNG TY CP BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VINACONEX XUÂN MAI
CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Điện thoại: 0211.3895703

Fax: 0211.3895574

Website: www.betongdaotu.com - Email: xuanmaidaotu@yahoo.com

Địa chỉ: Đạo Tú - Tam Dương - Vĩnh Phúc

===oOo===

PHẦN II

HỒ SƠ NĂNG LỰC

1. Thông tin chung
2. Sơ đồ tổ chức bộ máy Công ty
3. Nhân lực
4. Danh sách cán bộ chuyên môn
5. Danh sách công nhân kỹ thuật
6. Hồ sơ kinh nghiệm
7. Quyết định công nhận phòng KCS thí nghiệm được thực hiện các phép thử chuyên ngành xây dựng (LAS-XD682)
8. Thông tư 06/2011/TT-BXD của Bộ xây dựng ban hành ngày 21/6/2011
9. Các trang thiết bị của phòng Thí nghiệm - KCS
10. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008
11. Năng lực thiết bị của Công ty
12. Danh sách một số công trình đã và đang tham gia
13. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2009
14. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2010
15. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2011

THÔNG TIN CHUNG

1. **Tên gọi** : CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ
Tên giao dịch : Xuan Mai Dao Tu Joint Stock Company
Tên viết tắt : XMD
Trụ sở : Khu phố Bê Tông - xã Đạo Tú - huyện Tam Dương - tỉnh Vĩnh Phúc.
Điện thoại : 0211.3895 576/ 895 703 Fax: 0211.3895 574
E-mail : xuanmaidaotu@yahoo.com
Website : www.betongdaotu.com
2. **Ngày thành lập** : Ngày 29 tháng 03 năm 2004
3. **Giám đốc và các bộ phận chuyên môn:**
Giám đốc : Ông **Nguyễn Tranh**
Điện thoại : 0211.3895 576 Di động: 0912.227 345
Phó giám đốc : Ông **Trần Bình Hải**
Điện thoại : : 0913.543 214
Phó giám đốc : Ông **Nguyễn Hồng Tước**
Điện thoại : 0211.3895 573 Di động: 0913.393 607
Văn phòng Công ty tại Hà Nội: Bà **Phạm Thị Tuyết**
Điện thoại: : 04. 63251206 Di động: 0915.224 345
Phụ trách Phòng Tài chính - Kế toán : Bà **Nguyễn Ngọc Phượng**
Điện thoại : 0211.3895 575 Di động: 0912.268 639
Phụ trách Phòng TC-HC : Ông **Nguyễn Xuân Nghĩa**
Điện thoại : 0211.3615 457 Di động: 0983.679642
TP.Kinh doanh : Ông **Phạm Quang Tuyến**
Điện thoại : 0211.3895 703 Di động: 0904.380 030
TP.KT-KH : Ông **Phạm Xuân Phong**
Điện thoại : 0211.3895 706 Di động: 0977408469
TP. TN - KCS : Ông **Trần Quang Đình**
Điện thoại : 0211.3615 126 Di động: 0982.946 886
TP.CG-CK : Ông **Bạch Kim Sơn**
Điện thoại : 0211.3615 098 Di động: 0983.504 122
Trưởng ban khai thác Mỏ lộ thiên : Ông **Đinh Quốc Tuấn**
Điện thoại : 0211.3615 457 Di động: 0912.474 346
4. **Vốn điều lệ** : 40.000.000.000 đồng Việt Nam.
5. **Tổng số cán bộ công nhân viên:** 597 người
Trong đó: Cán bộ quản lý kinh tế, kỹ thuật bậc đại học: 54
Cán bộ quản lý kinh tế, kỹ thuật bậc cao đẳng và trung cấp: 48
6. **Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:**
* Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, công trình cầu, đường, công trình thủy lợi.



- * Xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp (như thi công nhà, nhà công nghiệp, nhà ở, các hệ thống điện, làm đường, san lấp mặt bằng hạ tầng cơ sở).
- * Sản xuất, kinh doanh VLXD, các cấu kiện bê tông, các loại ống cống thoát nước.
- * Vận tải hàng hoá, vận tải hàng siêu trường, siêu trọng.
- * Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, dây truyền công nghệ, thiết bị tự động hoá trong xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng.
- * Sản xuất đá thành phẩm.
- * Khai thác đá.
- * Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng.
- * Dịch vụ thí nghiệm các vật liệu xây dựng và kiểm định chất lượng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ.
- * Kinh doanh bất động sản

7. Đăng ký kinh doanh:

Số: 2500 302 820 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 11/06/2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 03 tháng 8 năm 2010.

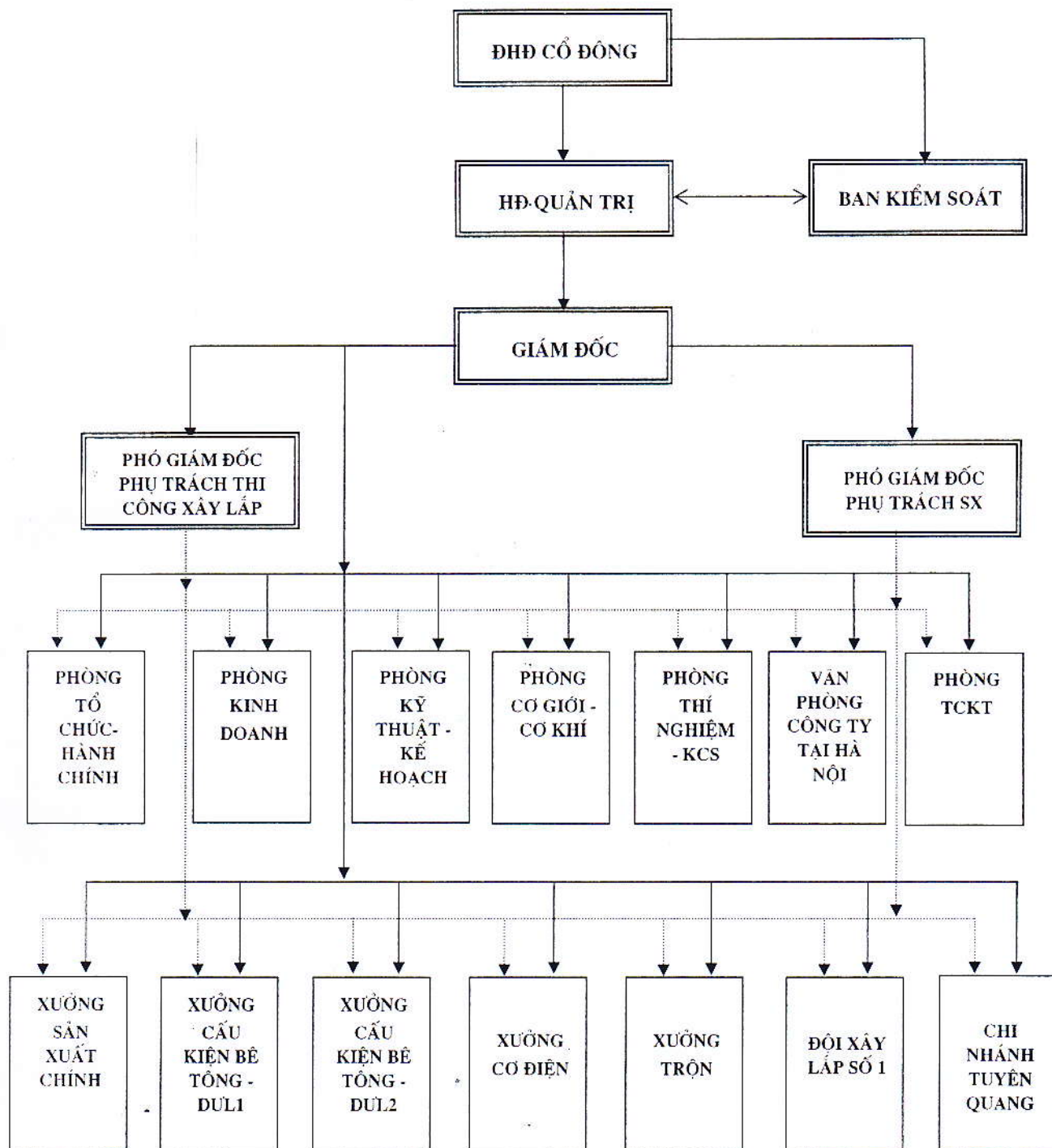
Đạo Tú, ngày 01 tháng 4 năm 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thanh



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY CÔNG TY



CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Địa chỉ: xã Đạo Tú - huyện Tam Dương - tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại: 02113.895 576/895703 - Fax: 0211 3 895 574

NHÂN LỰC**I. SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN: 597****II. SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ: 100**

TT	TRÌNH ĐỘ	SỐ LƯỢNG
1	Đại học	54
2	Cao đẳng	15
3	Trung cấp	33
4	Thợ bậc cao	14

III. BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Nguyễn Tranh	Bí thư Chi Bộ 9 - Giám đốc Công ty
2	Trần Bình Hải	Phó Giám đốc - Chủ tịch Công đoàn
3	Nguyễn Hồng Tước	Phó Giám đốc
4	Phạm Thị Tuyết	Phụ trách Văn phòng Công ty tại Hà Nội
5	Nguyễn Xuân Nghĩa	Phụ trách Phòng Tổ chức - Hành chính
6	Nguyễn Ngọc Phụng	Phụ trách phòng Tài chính - Kế toán
7	Phạm Quang Tuyến	Trưởng phòng Kinh doanh
8	Phạm Xuân Phong	Trưởng phòng Kỹ thuật - Kế hoạch
9	Nguyễn Duy Dương	Phó phòng Kỹ thuật - Kế hoạch
10	Trần Quang Đỉnh	Trưởng phòng Thí nghiệm - KCS
11	Khổng Minh Quân	Phó phòng Thí nghiệm - KCS
12	Bạch Kim Sơn	Trưởng phòng Cơ giới - Cơ khí
13	Lê Khánh Vũ	Phó phòng Cơ Giới - Cơ khí
14	Trần Thanh Hải	Quản đốc Xưởng Sản xuất chính
15	Lê Duy Hán	Quản đốc Xưởng Cấu kiện bê tông - DUL1
16	Trần Duy Tình	Phó Quản đốc Xưởng Cấu kiện bê tông - DUL1
17	Hà Minh Hiếu	Quản đốc Xưởng Cấu kiện bê tông - DUL2
18	Nguyễn Văn Thắng	Quản đốc Xưởng Cơ điện
19	Lê Quốc Khánh	Phó Quản đốc Xưởng Cơ điện
20	Nguyễn Thanh Sơn	Đội trưởng Đội xây lắp số 1
21	Lê Văn Thông	Đội phó Đội xây lắp số 1
22	Đình Quốc Tuấn	Trưởng ban khai thác mỏ lộ thiên
23	Hoàng Hữu Quỳnh	Trưởng Ban An toàn

Vĩnh Phúc, ngày 01 tháng 4 năm 2012
CÔNG TY CP XUÂN MAI - ĐẠO TÚ



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tranh

**DANH SÁCH CÁN BỘ
CHUYÊN MÔN CỦA DOANH NGHIỆP**

TT	CÁN BỘ CHUYÊN MÔN THEO NGHỀ	SỐ LƯỢNG	NĂM CÔNG TÁC	CÔNG TRÌNH THAM GIA
I	TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC	54		
1	Kỹ Sư xây dựng: - Kỹ Sư xây dựng: - Kỹ Sư xây dựng: - Kỹ Sư xây dựng:	10 04 04 02	<05 05-10 >10	Đã tham gia công trình Công ty thi công
2	Kỹ sư vật liệu Xây dựng: - Kỹ vật liệu Xây dựng	02 02	05-10	Đã tham gia công trình Công ty thi công
3	Kỹ sư máy Xây dựng: - Kỹ sư máy Xây dựng:	01 01	>10	Đã tham gia công trình Công ty thi công
4	Kỹ sư máy và tự động thuỷ khí - Kỹ sư máy và tự động thuỷ khí	01 01	<05	Đã tham gia công trình Công ty thi công
5	Kỹ sư cơ khí chế tạo - Kỹ sư cơ khí chế tạo - Kỹ sư cơ khí chế tạo	02 02 01	05-10 >10	Đã tham gia công trình Công ty thi công
6	Kỹ sư mỏ - Kỹ sư cơ điện mỏ - Kỹ sư khai thác mỏ	02 01 01	>10 05-10	Đã tham gia công trình Công ty thi công
7	Kỹ sư điện -Kỹ sư điện -Kỹ sư điện	04 03 01	<05 >10	Đã tham gia công trình Công ty thi công
8	Kỹ sư khác: - Kỹ sư lâm nghiệp - Kỹ sư lâm nghiệp - Kỹ sư thủy lợi - Kỹ sư công nghệ cơ khí - Kỹ sư kinh tế XD	08 03 01 01 01 02	05-10 <5 <5 <5 05-10	Đã tham gia công trình Công ty thi công
9	Cử nhân kinh tế: - Cử nhân kinh tế: - Cử nhân kinh tế: - Cử nhân kinh tế:	17 09 05 03	<05 05-10 >10	Đã tham gia công trình Công ty thi công
10	Cử nhân Quản trị kinh doanh -Cử nhân Quản trị kinh doanh	01 01	<05	Đã tham gia công trình Công ty thi công

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG VÀ CHẤT LƯỢNG CÔNG NHÂN

ST T	Ngành nghề	Tổng số	Chia ra												Hợp đồng thời vụ
			Công nhận trong danh sách chính thức, trong đó										Trên bậc 7	Chưa xếp bậc	
			Tổng số	Nữ	Đã qua đào tạo	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Bê tông	77	77	16	77		31	30	9	2	2			3	
2	Nề	5	5	-	5			2		2	1				
3	Sắt	56	55	12	56		21	17	1					16	1
4	Điện	54	53	11	54		4	19	1					29	1
5	Thợ Hàn	75	75	5	75		8	31	8	1				27	
6	VH Trộn trộn	10	10	1	10		3	5						2	
7	VHCT	79	79	63	79		29	7	3					40	
8	Xúc, ủi, lu	8	8		8			3	2					3	
9	Trắc đạc	1	1	1	1			1							
10	Lái xe	19	19		19	12	2	1	1					3	
11	Cơ khí S/c động cơ	16	16	1	16			8	1					7	
12	Gò	15	15	5	15			5						10	
13	Tiện	7	7	2	7		2	1						4	
14	Nguội	1	1	1	1									1	
15	Sửa chữa ô tô	10	9		10		1	3	1			1		3	1
16	Lắp ghép	2	2		2		1							1	
17	Kích kéo	3	3		3			3							
18	SXVLXD	2	2	1	2			2							
19	CN Thí nghiệm	10	10	8	10		3	6						1	
20	Bảo vệ	10	10		10		4	1						5	
21	Nhà ăn	6	6	6	6		1			2				3	
22	LDPT	23	23	22										23	
23	Khác	6	6	4	6		2		1		1		1	1	
Tổng cộng		495	492	159	495	12	112	145	28	7	4	1	1	182	3

Vinh Phúc, ngày 01 tháng 4 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh

HỒ SƠ KINH NGHIỆM

Công ty Cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú là đơn vị sản xuất công nghiệp, xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp. Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu của Công ty là: cọc, cống, vĩa, gạch lát hè và các cấu kiện BTCT đúc sẵn tấm lớn, các loại dầm dự ứng lực, dầm cầu các loại, bê tông thương phẩm... Được thành lập từ năm 2004 là Chi nhánh của Công ty Cổ Phần Bê tông và XD Vinaconex Xuân Mai sau đó chuyển đổi thành Công ty cổ phần Xuân Mai - Đạo Tú trực thuộc công ty Cổ phần Bê tông và XD Vinaconex Xuân Mai theo quyết định số 430 QĐ/BTXM-TCHC ngày 20 tháng 05 năm 2008. Công ty đã tham gia thi công xây lắp các công trình dân dụng công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật,... trọng điểm trong phạm vi toàn quốc điển hình là các hạng mục thuộc các dự án: Nhà máy giấy Thái Nguyên, Sân vận động Thái Nguyên, Chung cư CT4 Mỹ Đình, Sân vận động Việt Trì, Nhà máy phanh Nissin, Nhà máy Toto, Tòa nhà 25 tầng Syrena Tây Hồ, Tòa nhà 34 tầng Trung hoà Nhân Chính, Nhà máy dệt Song Ngân, Nhà máy Showa Densen, Nhà máy in thêu Kim Hoàng, Trung tâm thương mại Mê Linh Plaza, Chung cư 11 tầng Cầu Diễn, Nhà máy Honda, Tòa nhà CT2 Vimenco, Nhà máy Panasonic, nhà 11 tầng Mê Linh Plaza, Nhà máy Xi măng Cẩm Phả, Nhà máy Xi măng Hạ Long, Nhà máy M.A.P, Nhà văng sấy kho thành phẩm công ty dệt 10/10, Siêu thị Thái Hưng, Nhà máy bê tông Phan Vũ, Nhà máy bê tông Vĩnh Phúc, Khu nhà ở thí điểm cho công nhân KCN Bắc Thăng Long, Nhà máy Nagatsu Việt Nam, Trung tâm thương mại và Công viên VHTTGT Hùng Thắng, Trung tâm VHTT Thành phố Việt Trì tỉnh Phú Thọ, Tòa nhà CT1 - Văn Khê Hà Đông, Chung cư Ngô Thị Nhậm tại Hà Đông, Chung cư dành cho người có thu nhập thấp tại Vĩnh Yên, Nhà máy Compal Việt Nam tại Vĩnh Phúc, Cống hoá mương Phan Kế Bính làm bãi đỗ xe, Nhà 25T1 và 25T2 thuộc dự án N05 - Đông Nam Trần Duy Hưng - Hà Nội, Nhà ở Học sinh sinh viên Mỹ Đình 2, Chung cư Ngô Thị Nhậm, Nhà ở Công nhân Kim Chung - Đông Anh, Trung tâm thương mại Chợ Mơ, Khu nhà ở cao tầng Hemisco, Nhà Kiến Hưng...

Với phương châm mang đến "**Uy tín - Chất lượng - Hiệu quả cho mọi công trình**", Công ty đã và đang tiếp tục đầu tư mở rộng không ngừng nâng cao năng lực sản xuất cũng như chất lượng sản phẩm quyết đưa thương hiệu Bê tông Xuân Mai - Đạo Tú phát triển bền vững, mang lại niềm tin, chữ tín cho khách hàng.

1. Tổng số năm kinh nghiệm

TT	TÍNH CHẤT CÔNG VIỆC	SỐ NĂM KINH NGHIỆM
1	Sản xuất công nghiệp	08 năm
2	Xây dựng dân dụng	08 năm
3	Xây dựng công trình công nghiệp	08 năm
4	Xây dựng giao thông thuỷ lợi	08 năm
5	Sản xuất đá thành phẩm	08 năm

2. Cơ quan cấp tín dụng

- * Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vĩnh Phúc:
Tài khoản số (VND): 036 100 164 0937
Địa chỉ: 116 Ngô Quyền - TP Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc
Tel: (0211) 3720 923 Fax: (0211) 3720933
- * Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội - CN Vĩnh Phúc:
Tài khoản số (VND): 290 006 804 712
Địa chỉ: 361 - Mê Linh - TP Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc.
Tel: (0211) 3710145 Fax: (0211) 3710146
- * Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Hà Nội
Địa chỉ: Tầng 4 - Tòa nhà 10B - Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội.

3. Tổng số tín dụng đang thực hiện

Giá trị hợp đồng tín dụng tính đến 31/3/2012: **63.374.946.481** đồng.

CÔNG TY CP XUÂN MAI - ĐẠO TÚ



GIAM ĐỐC

Nguyễn Thanh

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 1447/QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận năng lực thực hiện các phép thử của Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007

Căn cứ Pháp lệnh Đo lường ngày 06 tháng 10 năm 1999;

Căn cứ Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 04/2/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Xét đơn đăng ký công nhận phòng thí nghiệm của Công ty cổ phần Xuân Mai- Đạo Tú ngày 1 tháng 7 năm 2008;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Phòng KCS thí nghiệm thuộc Công ty cổ phần Xuân Mai-Đạo Tú, mã số LAS-XD682, địa chỉ: Xã Đạo Tú-Huyện Tam Dương-Tỉnh Vĩnh Phúc, được thực hiện các phép thử nêu trong bảng danh mục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 10 tháng 9 năm 2011.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, cơ sở quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được công nhận nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu VP, Vụ KH-CN-MT

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 645/SY-BXD ngày 25 tháng 8 năm 2008

TL. BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG

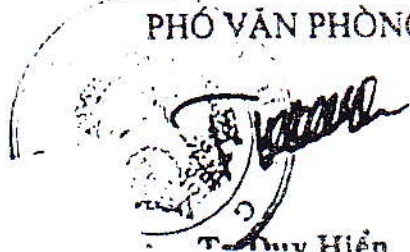
PHÓ VĂN PHÒNG

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



GS.TSKH. Nguyễn Văn Liên

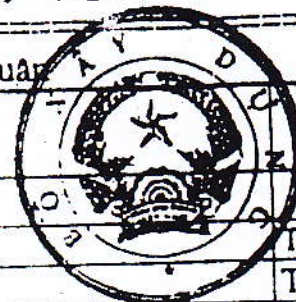


DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ VÀ PHƯƠNG PHÁP THỬ CỦA PHÒNG

THÍ NGHIỆM LAS-XD 682

(Kèm theo Quyết định số: 1147/QĐ-BXD, ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.)

Trưởng phòng thí nghiệm: KS. Khổng Minh Quân



T	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử
1	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
	- Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030: 03
	- Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:95
	- XĐ độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:95
2	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	- Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93
	- Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93
	- Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:93
	- Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93
	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:93
	- Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:93
	- Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93
3	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	- Thành phần cốt hạt	TCVN 7572-2 :06
	- Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4 :06
	- XĐ khối LR: KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5 :06
	- Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hong	TCVN 7572-6 :06
	- Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7 :06
	- XĐ HL bùn, bụi, sét trong cốt liệu và HL sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8: 06
	- Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:06
	- Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10 :06
	- XĐ độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572- 11:06
	- XĐ hàm lượng hạt thô lọt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13 :06
	- Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572- 17:06
4	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
	- Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 03
	- Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 03
	- Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN3121-11: 03
	- Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN3121-18: 03
5	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG	
	- Thử kéo	TCVN 197: 2002
	- Thử uốn	TCVN 198: 85
	- Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử uốn	TCVN 5401: 91
	- Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403: 91
6	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỞNG	
	- Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCXD 171:89
	- Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng PP thí nghiệm chất tải tĩnh	TCXDVN 363:06

050
TY
HÀN
ĐẠO
T.V

7	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	
	- Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-1:98
	- Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-2:98
	- Xác định độ hút nước	TCVN 6355-3:98
	- Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:98
8	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BLOCC BÊ TÔNG	
	- Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:99
	- Xác định cường độ nén	TCVN 6477:99
	- Xác định độ rỗng	TCVN 6477:99
	- Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:99



Ghi chú: Phòng được phép thực hiện các phép thử trên theo tiêu chuẩn tương đương khác như: (ASTM, AASHTO, TCN, BS, JIS)



Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2011

THÔNG TƯ

**Sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính
trong lĩnh vực xây dựng; kiến trúc, quy hoạch xây dựng
thực thi Nghị quyết số 55/NQ-CP ngày 14/12/2010 của Chính phủ
về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Bộ Xây dựng**

Căn cứ Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng; Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2002/NĐ-CP ngày 14/01/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh đo lường;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực xây dựng, kiến trúc quy hoạch xây dựng thực thi Nghị quyết số 55/NQ-CP ngày 14/12/2010 về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng và cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2010/TT-BXD):

1. Sửa đổi Điều 3 như sau:

"Điều 3. Điều kiện để được công nhận là cơ sở có đủ điều kiện đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng

Để được xem xét, công nhận là cơ sở có đủ điều kiện đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng, ngoài việc phải đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ, các cơ sở đào tạo còn phải đáp ứng các điều kiện cụ thể sau:

1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng: đảm bảo các phòng học có quy mô, tiện nghi phù hợp với số lượng học viên và các phương tiện, thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập.

2. Tài liệu giảng dạy:

a) Nội dung tài liệu giảng dạy do cơ sở đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng biên soạn phải phù hợp với chương trình khung theo quy định tại Phụ lục số 1 của Thông tư này;

b) Tài liệu giảng dạy phải ghi tên của cơ sở đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng, được in, đóng thành quyển;

c) Có tối thiểu 03 bộ đề kiểm tra trắc nghiệm của chương trình đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng.

3. Giảng viên: các giảng viên tham gia giảng dạy phải có trình độ từ đại học trở lên. Mẫu kê khai danh sách và thông tin về đội ngũ giảng viên theo quy định tại Phụ lục số 2 của Thông tư này.

4. Quản lý đào tạo:

a) Có bộ máy quản lý đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn và nghiệp vụ để tổ chức các khóa bồi dưỡng; lưu trữ hồ sơ học viên, hồ sơ tài liệu liên quan tới công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng;

b) Có quy trình quản lý và kiểm soát chất lượng công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng;

c) Có người phụ trách khóa học có kinh nghiệm trong việc tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng hoặc tập huấn nghiệp vụ về các lĩnh vực liên quan đến hoạt động xây dựng."

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 4 như sau:

"Điều 4. Hồ sơ đăng ký

1. Các cơ sở có nhu cầu đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng và đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 3 của Thông tư này lập 01 bộ hồ sơ theo quy định gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Bộ Xây dựng để được xem xét, công nhận là cơ sở có đủ điều kiện đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng.

2. Hồ sơ đăng ký gồm:

b) Hồ sơ pháp lý: Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập đối với cơ sở không có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quy định chức năng nhiệm vụ hoặc đăng ký hoạt động khoa học.

Trường hợp các giấy tờ trên là bản sao không có chứng thực thì cơ sở đào tạo phải xuất trình bản chính để đối chiếu khi có yêu cầu."

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

"Điều 5. Thẩm định và công nhận cơ sở đào tạo

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đúng theo quy định thì thông báo, hướng dẫn một lần bằng văn bản để cơ sở đào tạo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời hạn bổ sung hồ sơ là 10 ngày làm việc. Sau thời hạn trên nếu cơ sở đào tạo không cung cấp đủ hồ sơ theo quy định thì hồ sơ đăng ký được coi là không hợp lệ.

2. Bộ Xây dựng thành lập Hội đồng để thẩm định hồ sơ đăng ký của cơ sở đào tạo. Trước khi họp Hội đồng, Bộ Xây dựng có thể tổ chức kiểm tra trực tiếp năng lực của cơ sở đào tạo theo nội dung quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Bộ Xây dựng tổ chức thẩm định để công nhận cơ sở có đủ điều kiện đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng và đưa lên Website của Bộ Xây dựng."

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 13 như sau:

"Điều 13. Trình tự, thủ tục cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng

1. Người đề nghị cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 14 của Thông tư này tới Sở Xây dựng nơi đăng ký cấp chứng chỉ.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng kiểm tra và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nếu thiếu hoặc không hợp lệ. Thời hạn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ là 10 ngày làm việc."

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 15 như sau:

"Điều 15. Cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng

3. Thủ tục cấp lại chứng chỉ

a) Người xin cấp lại chứng chỉ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này tới Sở Xây dựng nơi đã cấp chứng chỉ. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng kiểm tra và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nếu thiếu hoặc không

hợp lệ. Sở Xây dựng xem xét, cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng cho các cá nhân đủ điều kiện theo quy định trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ."

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2009/TT-BXD ngày 29/7/2009 hướng dẫn về bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và giám sát thi công xây dựng công trình (sau đây viết tắt là Thông tư số 25/2009/TT-BXD):

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

"Điều 3. Điều kiện năng lực để công nhận cơ sở đào tạo

1. Tư cách pháp nhân: Các cơ sở đào tạo từ cao đẳng chuyên nghiệp trở lên, các trường đào tạo bồi dưỡng cán bộ, các viện, học viện, trung tâm nghiên cứu có chức năng bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành xây dựng; các trung tâm có chức năng đào tạo thuộc các Hội nghề nghiệp liên quan đến hoạt động xây dựng.

Đối với các pháp nhân khác được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Bộ Xây dựng sẽ xem xét cụ thể trên cơ sở nhu cầu và tình hình thực tế để công nhận.

2. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo:

a) Đảm bảo các phòng học có quy mô và tiện nghi phù hợp với số lượng học viên và các phương tiện, thiết bị đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập.

b) Có các phòng thí nghiệm hoặc các băng đĩa hình để giới thiệu về các thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (đối với bồi dưỡng nghiệp vụ GSTC).

3. Giảng viên

a) Cơ sở đào tạo phải có ít nhất 40% giảng viên trong biên chế hoặc có hợp đồng không xác định thời hạn trên tổng số giảng viên tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ QLDA hoặc GSTC.

b) Tiêu chuẩn: Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành phù hợp với nội dung tham gia giảng dạy; Giảng viên tham gia giảng dạy kỹ năng QLDA và GSTC phải có kinh nghiệm thực tế từ 7 năm trở lên hoạt động trong các lĩnh vực quản lý dự án, quản lý kinh tế xây dựng; khảo sát, thiết kế; thi công xây dựng; giám sát thi công xây dựng công trình; nghiên cứu, giảng dạy về chuyên ngành xây dựng.

c) Một giảng viên chỉ được ký hợp đồng tham gia giảng dạy không quá 03 chuyên đề cho một chương trình quản lý dự án hoặc giám sát thi công xây dựng. Đối với giảng viên trong biên chế hoặc có hợp đồng không xác định thời hạn không được hợp đồng với quá 03 cơ sở đào tạo trong cùng một thời gian.

d) Giảng viên tham gia giảng dạy các chuyên đề về quản lý dự án và giám sát thi công phải đăng ký với Bộ Xây dựng theo Phiếu đăng ký giảng viên tại Phụ lục số 1 của Thông tư này.

đ) Danh sách giảng viên đăng ký với Bộ Xây dựng sẽ được đăng trên Trang thông tin điện tử "Quản lý hoạt động xây dựng" của Bộ Xây dựng; đồng thời sẽ được thông báo cho các Sở Xây dựng biết để theo dõi, quản lý.

4. Tài liệu giảng dạy

a) Tài liệu giảng dạy phải được in, đóng thành quyển kèm theo bộ đề kiểm tra của chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ QLDA hoặc GSTC.

b) Nội dung tài liệu giảng dạy phù hợp với chương trình khung quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Tài liệu giảng dạy phải do các giảng viên đăng ký tham gia giảng dạy hoặc các chuyên gia đáp ứng các điều kiện nêu tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này.

d) Các tài liệu giảng dạy phải ghi rõ họ và tên, chức danh, nơi công tác của người biên soạn.

5. Quản lý đào tạo:

a) Có bộ máy quản lý đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn và nghiệp vụ để tổ chức các khoá bồi dưỡng, lưu trữ hồ sơ học viên, hồ sơ tài liệu liên quan tới công tác bồi dưỡng nghiệp vụ QLDA và GSTC.

b) Có quy trình quản lý và kiểm soát chất lượng công tác bồi dưỡng nghiệp vụ.

c) Có người phụ trách khoá học có kinh nghiệm 5 năm trở lên trong việc tổ chức các khoá bồi dưỡng hoặc tập huấn nghiệp vụ về các lĩnh vực liên quan đến hoạt động xây dựng."

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm đ khoản 2 Điều 4 như sau:

"Điều 4. Hồ sơ đăng ký

2. Hồ sơ đăng ký gồm: Các tài liệu chứng minh và thuyết minh của cơ sở đào tạo thể hiện việc đáp ứng điều kiện năng lực nêu tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư này, cụ thể như sau:

a) Công văn đề nghị đăng ký cơ sở đào tạo nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc giám sát thi công xây dựng công trình theo mẫu tại Phụ lục số 2 của Thông tư này;

đ) Danh sách giảng viên (kèm theo Phiếu đăng ký giảng viên theo mẫu tại Phụ lục số 1 của Thông tư này), kèm theo hợp đồng giảng dạy hoặc hợp đồng lao động."

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

"Điều 5. Quy trình thực hiện công nhận cơ sở đào tạo

1. Cơ sở đào tạo nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ gốc đăng ký và 02 bộ hồ sơ sao chụp tại Bộ Xây dựng.

2. Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, đơn vị tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đúng theo quy định thì thông báo, hướng dẫn một lần bằng văn bản để cơ sở đào tạo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời gian 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Xây dựng tổ chức thẩm định để công nhận cơ sở có đủ điều kiện đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án hoặc giám sát thi công.

3. Bộ Xây dựng thành lập Hội đồng để thẩm định hồ sơ đăng ký của cơ sở đào tạo. Trước khi họp Hội đồng, Bộ Xây dựng có thể tổ chức kiểm tra trực tiếp năng lực của cơ sở đào tạo theo nội dung quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

4. Căn cứ kết quả thẩm định, Bộ Xây dựng quyết định công nhận bằng văn bản và đưa lên Website của Bộ Xây dựng các cơ sở đào tạo đủ điều kiện tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án hoặc giám sát thi công.

Đối với chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công, trong Quyết định có thể công nhận cơ sở đào tạo được bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công một hoặc nhiều chuyên ngành xây dựng (dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; giao thông; thủy lợi, thủy điện)."

4. Bổ sung Phụ lục số 1, Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này vào Thông tư số 25/2009/TT-BXD ngày 29/7/2009 của Bộ Xây dựng.

5. Bổ sung nội dung "tổ chức đào tạo tại" vào Phụ lục số 3, Phụ lục số 4 của Thông tư số 25/2009/TT-BXD ngày 29/7/2009 của Bộ Xây dựng.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2009/TT-BXD ngày 31/7/2009 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về Quản lý chất lượng công trình xây dựng (sau đây viết tắt là Thông tư số 27/2009/TT-BXD):

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 2 như sau:

"Điều 2. Trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng của các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

3. Tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng do Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý trước ngày 15 tháng 12 hàng năm theo mẫu tại Phụ lục số 5 của Thông tư này."

2. Sửa đổi khoản 4 Điều 3 như sau:

"Điều 3. Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Tổng hợp, báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng và quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn trước ngày 15 tháng 12 hàng năm và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu theo mẫu tại Phụ lục số 6 của Thông tư này."

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 4 như sau:

"Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của chủ đầu tư trong trường hợp trực tiếp quản lý hoặc thuê tư vấn quản lý dự án

6. Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng theo phân cấp tại địa phương

a) Chủ đầu tư có trách nhiệm lập báo cáo và gửi qua đường bưu điện tới cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng theo phân cấp tại địa phương về tình hình chất lượng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trước ngày 15 tháng 12 hàng năm; báo cáo khi hoàn thành đưa công trình xây dựng vào sử dụng, vận hành, khai thác; báo cáo đột xuất khi có yêu cầu theo mẫu tại Phụ lục số 7 của Thông tư này. (thời điểm gửi báo cáo tính theo dấu bưu điện nơi đi).

b) Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng theo phân cấp tại địa phương nhận báo cáo và gửi phiếu tiếp nhận cho chủ đầu tư theo mẫu tại Phụ lục số 8 của Thông tư này, qua đường bưu điện trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được báo cáo (thời điểm nhận báo cáo căn cứ theo dấu công văn đến)."

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 21 như sau:

"Điều 21. Phân loại sự cố công trình, trình tự báo cáo và giám định để xác định nguyên nhân sự cố

2. Trình tự báo cáo và giám định để xác định nguyên nhân sự cố công trình

a) Chủ đầu tư đối với công trình đang thi công, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng đối với công trình đang sử dụng, vận hành, khai thác có trách nhiệm lập báo cáo nhanh sự cố công trình và gửi qua đường bưu điện tới các cơ quan quản lý nhà nước theo phân cấp quy định tại Điều 35 Nghị định số 209/2004/NĐ-CP trong vòng 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự cố (thời điểm gửi báo cáo tính theo dấu bưu điện nơi đi).

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận báo cáo nhanh sự cố đối với công trình xây dựng cấp I, cấp II, cấp III; Bộ Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận báo cáo nhanh sự cố công trình xây dựng cấp I và cấp II. Sau khi nhận được báo cáo, các cơ quan tiếp nhận theo phân cấp phải gửi phiếu tiếp nhận qua đường bưu điện cho chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc chủ quản lý sử dụng công trình xây dựng trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được báo cáo (thời điểm nhận báo cáo căn cứ theo dấu công văn đến).

c) Phân cấp cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn hoặc tổ chức giám định để xác định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền đối với mọi sự cố;

- Bộ Xây dựng hoặc cơ quan được ủy quyền đối với sự cố cấp I và cấp II khi Thủ tướng Chính phủ yêu cầu hoặc được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị. Các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành phối hợp với Bộ Xây dựng thực hiện nhiệm vụ này."

5. Phụ lục số 5, Phụ lục số 6, Phụ lục số 7 ban hành kèm theo Thông tư này thay thế Phụ lục số 1, Phụ lục số 2, Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2009/TT-BXD.

6. Bổ sung Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này vào Thông tư số 27/2009/TT-BXD ngày 31/7/2009 của Bộ Xây dựng.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2008/TT-BXD ngày 17/6/2008 hướng dẫn, đánh giá, công nhận Khu đô thị mới kiểu mẫu (sau đây viết tắt là Thông tư số 15/2008/TT-BXD)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Mục IV như sau:

"IV. Trình tự lập hồ sơ, đánh giá, đề nghị công nhận khu đô thị mới kiểu mẫu

1. Chủ đầu tư lập hồ sơ đánh giá tình hình thực hiện theo các tiêu chí của Khu đô thị mới kiểu mẫu. Hồ sơ gồm:

a) Bản báo cáo tổng hợp tự đánh giá việc thực hiện theo các tiêu chí của khu đô thị mới đề nghị công nhận Khu đô thị mới kiểu mẫu;

b) Bản sao có chứng thực Quyết định phê duyệt Quy hoạch chi tiết 1/500;

c) Bản sao có chứng thực Quyết định hoặc văn bản cho phép đầu tư của cấp có thẩm quyền;

d) Một số hình ảnh minh họa theo các tiêu chí."

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Mục IV như sau:

"IV. Trình tự lập hồ sơ, đánh giá, đề nghị công nhận khu đô thị mới kiểu mẫu

4. Đề nghị công nhận:

Căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng, chủ đầu tư tổng hợp và gửi Bộ Xây dựng một (01) bộ hồ sơ đề nghị công nhận khu đô thị mới kiểu mẫu. Hồ sơ gồm:

- a) Tờ trình (theo mẫu tại Phụ lục số 9 của Thông tư này);
- b) Hồ sơ quy định tại mục IV.1;
- c) Bản tổng hợp điều tra xã hội như quy định tại mục IV.2.c;
- d) Biên bản đánh giá, cho điểm của Hội đồng như quy định tại mục IV.3.c;
- đ) Ý kiến, kiến nghị bằng văn bản của UBND cấp huyện, cấp xã quản lý địa bàn Khu đô thị mới về việc công nhận khu đô thị mới kiểu mẫu."

3. Sửa đổi, bổ sung Mục V như sau:

"V. Bộ Xây dựng thẩm định và công nhận

- 1. Bộ Xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận, vào sổ và viết phiếu tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận khu đô thị mới kiểu mẫu. Trong thời gian 03 ngày làm việc, Bộ Xây dựng có trách nhiệm kiểm tra, nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định thì hướng dẫn một lần bằng văn bản để chủ đầu tư bổ sung, hoàn thiện hồ sơ (*thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết thủ tục hành chính*).
- 2. Trong quá trình thẩm định, Bộ Xây dựng có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án Khu đô thị mới đề nghị công nhận Khu đô thị mới kiểu mẫu; tổ chức thẩm định, ra quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận Khu đô thị mới kiểu mẫu trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.
- 3. Chủ đầu tư nhận kết quả tại Bộ Xây dựng."

4. Bổ sung mẫu Tờ trình đề nghị công nhận khu đô thị mới kiểu mẫu tại Phụ lục số 9 ban hành kèm theo Thông tư này vào Thông tư số 15/2008/TT-BXD ngày 17/6/2008 của Bộ Xây dựng.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCVN 297: 2003 "Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. Tiêu chuẩn công nhận" ban hành kèm theo Quyết định số 11/2003/QĐ-BXD ngày 12/5/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (sau đây viết tắt là Quyết định số 11/2003/QĐ-BXD):

1. Giải thích mục 4.6 như sau:

"4.6. Môi trường:

- a) Phòng thí nghiệm phải có điều kiện môi trường trong phòng (nhiệt độ, độ ẩm...) phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn kỹ thuật; phải đảm bảo thông thoáng và nồng độ hơi, mùi từ các thí nghiệm hóa học ra môi trường xung quanh phải đảm bảo yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.
- b) Đối với các phòng thí nghiệm có thiết bị gây tiếng ồn (máy sàng, máy trộn, máy kéo nén, máy cưa cắt...), độ ồn phải đảm bảo yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Không cho phép đặt phòng thí nghiệm trong nhà chung cư."

2. Sửa đổi mục 4.7 như sau:

"4.7 Quản lý chất lượng:

Sau 01 năm kể từ khi được cấp quyết định công nhận, phòng thí nghiệm phải có chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 hoặc ISO/IEC 17025 và phải duy trì hệ thống này trong suốt quá trình hoạt động".

3. Huỷ bỏ các nội dung tại mục 5.1.c; mục 6, mục 7, mẫu đơn xin công nhận phòng thí nghiệm tại Phụ lục I và mẫu báo cáo khả năng và tình hình hoạt động của phòng thí nghiệm tại Phụ lục K kèm theo Quyết định số 11/2003/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế công nhận và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD ngày 01/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (sau đây viết tắt là Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD):

1. Sửa đổi Điều 5 như sau:

"Điều 5. Cơ sở quản lý phòng thí nghiệm phải đăng ký công nhận bổ sung khi có nhu cầu mở rộng, thu hẹp năng lực hoạt động hoặc thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm. Hồ sơ công nhận bổ sung phòng thí nghiệm tuân theo các nội dung được quy định tại chương II của Quy chế này."

2. Sửa đổi Điều 6 như sau:

"Điều 6. Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã qua đánh giá, nếu đạt các yêu cầu theo quy định của Quy chế này sẽ được Bộ Xây dựng xem xét, cấp quyết định công nhận."

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

"Điều 8. Hồ sơ đăng ký công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng bao gồm:

- a) Đơn đề nghị công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (theo mẫu tại Phụ lục số 10 của Thông tư này);
- b) Bản sao Quyết định thành lập phòng thí nghiệm của cơ sở quản lý trực tiếp;
- c) Bản sao Quyết định bổ nhiệm trưởng phòng thí nghiệm;
- d) Bản sao chứng chỉ đào tạo của trưởng phòng thí nghiệm, các thí nghiệm viên hay công nhân kỹ thuật thí nghiệm do cơ quan có chức năng đào tạo cấp;
- đ) Báo cáo khả năng tình hình hoạt động của phòng thí nghiệm (theo mẫu tại Phụ lục số 12 của Thông tư này);
- e) Bản vẽ mặt bằng phòng thí nghiệm (mặt bằng với kích thước phòng, vị trí các thiết bị thí nghiệm, vị trí lưu mẫu...);
- g) Bản sao hợp đồng mua, hóa đơn và biên bản bàn giao thiết bị thí nghiệm và đo lường của phòng thí nghiệm; Bản sao Quyết định của cấp có thẩm quyền đối với các thiết bị được điều chuyển từ cơ quan khác;
- h) Bản sao hợp đồng sử dụng lao động đối với cán bộ quản lý và nhân viên thí nghiệm được đăng ký trong hồ sơ;

Đối với bản sao các loại giấy tờ trong thành phần hồ sơ sẽ được đối chiếu với bản chính trong quá trình đánh giá phòng thí nghiệm."

4. Sửa đổi Điều 9 như sau:

"Điều 9. Hồ sơ đăng ký công nhận bổ sung gồm:

- a) Đơn đề nghị công nhận bổ sung (theo mẫu tại Phụ lục số 11 của Thông tư này);
- b) Danh mục các phép thử bổ sung, tiêu chuẩn kỹ thuật; Chứng chỉ kiểm định/hiệu chuẩn các thiết bị bổ sung; Bản sao (không cần công chứng) tài liệu chứng minh trang thiết bị được mua hoặc điều chuyển từ cơ quan khác; Chứng chỉ thí nghiệm viên thực hiện các phép thử bổ sung;
- c) Báo cáo khả năng và tình hình hoạt động của phòng thí nghiệm (theo mẫu tại Phụ lục số 12 của Thông tư này);
- d) Bản vẽ mặt bằng phòng thí nghiệm và bố trí thiết bị thí nghiệm (trường hợp thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm);"

5. Sửa đổi Điều 10 như sau:

"Điều 10. Hồ sơ công nhận và công nhận bổ sung phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được gửi trực tiếp tại Bộ Xây dựng hoặc qua đường bưu điện. Nếu hồ sơ không đáp ứng các yêu cầu theo quy định, trong vòng 07 ngày làm việc, cơ quan đánh giá công nhận phải trả lời bằng văn bản cho cơ sở quản lý phòng thí nghiệm để bổ sung và hoàn thiện hồ sơ. Công tác đánh giá tại phòng thí nghiệm sẽ được tiến hành trong vòng 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ."

6. Sửa đổi Điều 12 như sau:

"Điều 12. Đánh giá phòng thí nghiệm bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quyết định thành lập phòng thí nghiệm, quyết định bổ nhiệm trưởng phòng thí nghiệm;
2. Đối chiếu hợp đồng mua, hóa đơn và biên bản bàn giao trang thiết bị thí nghiệm/văn bản điều chuyển trang thiết bị của cấp có thẩm quyền; hợp đồng lao động của các cán bộ quản lý và nhân viên thí nghiệm được đăng ký;

3. Xác định sự phù hợp với tiêu chuẩn TCXDVN 297-2003, bao gồm: điều kiện môi trường làm việc của phòng thí nghiệm; chứng chỉ đào tạo cán bộ quản lý và các nhân viên thí nghiệm; tình trạng thiết bị và chứng chỉ kiểm định/hiệu chuẩn thiết bị; các tiêu chuẩn và tài liệu kỹ thuật của phòng thí nghiệm đối với nội dung đăng ký của cơ sở;

4. Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng phòng thí nghiệm, bao gồm: quy trình khảo sát, lấy mẫu tại hiện trường; hướng dẫn sử dụng, vận hành thiết bị và quy trình thí nghiệm cho mỗi phép thử; các sổ sách ghi chép (giao nhận mẫu; kết quả quá trình thí nghiệm; lưu mẫu); phiếu kết quả thí nghiệm; chứng chỉ hệ thống quản lý chất lượng của phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN 9001: 2000 hoặc ISO/IEC 17025 (đối với các cơ sở đã hoạt động 1 năm, kể từ ngày có quyết định công nhận và đề nghị đăng ký công nhận bổ sung)."

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

"Điều 17. Phiếu kết quả thí nghiệm do cơ sở thiết lập theo yêu cầu của các phép thử, nhưng phải có các thông tin và nội dung cơ bản sau:

1. Tên cơ sở quản lý phòng thí nghiệm;
2. Tên và địa chỉ phòng thí nghiệm, mã số LAS-XD (ghi theo quyết định công nhận);
3. Số hợp đồng kinh tế hoặc văn bản yêu cầu của đơn vị yêu cầu thí nghiệm;
4. Tên dự án/công trình/hạng mục công trình được khảo sát, lấy mẫu, thí nghiệm. Đối với các thí nghiệm phục vụ nghiên cứu/tự kiểm tra chất lượng của nhà sản xuất thì ghi rõ mục đích thí nghiệm.
5. Tên cán bộ giám sát của Chủ đầu tư trong quá trình lấy mẫu, thí nghiệm;
6. Loại mẫu thí nghiệm;
7. Tiêu chuẩn và thiết bị thí nghiệm;
8. Kết quả thí nghiệm;
9. Thời gian lập phiếu kết quả thí nghiệm;
10. Chữ ký của: nhân viên thí nghiệm và trưởng phòng thí nghiệm;
11. Chữ ký của người có thẩm quyền và dấu pháp nhân của cơ sở quản lý phòng thí nghiệm."

8. Huy bỏ Điều 7, Điều 23, Điều 29.

9. Mẫu đơn tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này thay thế mẫu đơn xin công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD.

10. Bổ sung mẫu đơn đề nghị công nhận bổ sung phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng tại Phụ lục số 11; mẫu đơn báo cáo khả năng và tình hình hoạt động của phòng thí nghiệm tại Phụ lục số 12 vào Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD của Bộ Xây dựng.

Điều 7. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng và cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng

a) Các cơ sở đào tạo đã được công nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực không phải đăng ký lại. Các cơ sở chưa được công nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực, nếu đăng ký để được công nhận cơ sở có đủ điều kiện đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng thì thực hiện theo Thông tư này.

b) Các cá nhân đã được cấp hoặc cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng trước ngày Thông tư này có hiệu lực không phải đăng ký lại. Các cá nhân chưa được cấp chứng chỉ trước ngày Thông tư này có hiệu lực, nếu đăng ký để được cấp hoặc cấp lại chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng thì thực hiện theo Thông tư này.

2. Đối với Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2009/TT-BXD ngày 29/7/2009 hướng dẫn về bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và giám sát thi công xây dựng công trình

Các cơ sở đào tạo đã được công nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực không phải đăng ký lại. Các cơ sở chưa được công nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực, nếu đăng ký để được công nhận là cơ sở đào tạo về quản lý dự án hoặc giám sát thi công thì thực hiện theo Thông tư này.

3. Đối với Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy chế công nhận và quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 11/2008/QĐ-BXD ngày 01/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Các phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được công nhận trước ngày Thông tư này có hiệu lực không phải công nhận lại. Các phòng thí nghiệm chưa được công nhận hoặc muốn được đề nghị công nhận bổ sung thì thực hiện theo Thông tư này.

Điều 8. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành
2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Xây dựng để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng, các PTTg Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Tổng công ty nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Website của Chính phủ và Bộ Xây dựng;
- Công báo;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, Phòng KSTT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Cao Lại Quang

TRANG THIẾT BỊ PHÒNG THÍ NGHIỆM

1. Phương tiện đo lường:

TT	Tên thiết bị đo	Phạm vi đo cấp chính xác	Chu kỳ kiểm định, hiệu chuẩn	Ngày kiểm định hiệu chuẩn cuối	Cơ quan kiểm định hiệu chuẩn
1	Máy nén bê tông 2.000 KN	(0 ÷ 2000) KN	1 năm	21/07/2012	Chi cục TC- ĐL- CL HN
2	Máy nén mẫu xi măng, nén vữa	(0 ÷ 100) KN	1 năm	21/07/2012	Chi cục TC- ĐL- CL HN
3	Máy trộn vữa xi măng JJ - 15	(3.3 ÷ 0.5mm)	1 năm	21/07/2012	Chi cục TC- ĐL- CL HN
4	Cân điện tử Ohau 4 Kg	(0,01 ÷ 4100)g	1 năm	21/07/2012	Chi cục TC- ĐL- CL HN
5	Cân bàn điện tử 100 Kg	10 g ÷ 100 Kg	1 năm	21/07/2012	Chi cục TC- ĐL- CL HN
6	Máy dẫn mẫu xi măng 90 DTY	(15 ÷ 0.5mm)	1 năm	21/07/2012	Chi cục TC- ĐL- CL HN
7	Bình tỷ diện xi măng DBT -127		1 năm	21/07/2012	Chi cục TC- ĐL- CL HN
8	Bàn rung mẫu bê tông	2.920 vòng/phút	1 năm	21/07/2012	Chi cục TC- ĐL- CL HN
9	Trạm trộn bê tông 30m ³ /h		1 năm	21/07/2012	Chi cục TC- ĐL- CL HN
10	Trạm trộn bê tông 60m ³ /h		1 năm	21/07/2012	Chi cục TC- ĐL- CL HN
11	Trạm trộn bê tông 60m ³ /h		1 năm	21/07/2012	Chi cục TC- ĐL- CL HN
12	Máy kéo căng cáp	(0 ÷ 600) bar	1 năm	21/07/2012	Chi cục TC- ĐL- CL HN
13	Dụng cụ Vicat	(300 ÷ 0.5)g	1 năm	21/07/2012	Chi cục TC- ĐL- CL HN
14	Sàng	(0.14 ÷ 50 mm)	1 năm	21/07/2012	Chi cục TC- ĐL- CL HN
15	Máy thử thời gian linh kết bê tông	(0 ÷ 1200) N	1 năm	21/07/2012	Chi cục TC- ĐL- CL HN
16	Thiết bị thử độ xòe của vữa		1 năm	21/07/2012	Chi cục TC- ĐL- CL HN
17	Cân 2 đĩa 2.000 g (Cả bộ quả cân)	2g ÷ 2.000g	1 năm	21/07/2012	Chi cục TC- ĐL- CL HN
18	Tủ sấy Kettong TQ moder 101- 2	0 ÷ 400 °C	1 năm	21/07/2012	Chi cục TC- ĐL- CL HN
19	Máy thử độ bền kéo nén Model WE 600 B	(0 ÷ 600) kN	1 năm	21/07/2012	Chi cục TC- ĐL- CL HN
20	Súng bật nẩy thử cường độ bê tông bằng phương pháp không phá huỷ	(10 ÷ 100) N/mm ²	1 năm	21/07/2012	Chi cục TC- ĐL- CL HN

2. Trang thiết bị thí nghiệm khác

TT	Tên thiết bị	Đặc trưng kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy điều hoà nhiệt độ	Bảo dưỡng mẫu	Cái	01
2	Ống đong thuỷ tinh chia vạch 1000 ml	TN xi măng	Cái	02
3	Ống đong thuỷ tinh chia vạch 500 ml	TN xi măng	Cái	02
4	Ống đong thuỷ tinh chia vạch 100 ml	TN xi măng	Cái	03
5	Ống đong kim loại 1,2,5,10 lít	TN cát + đá	Cái	04
6	Khuôn tạo mẫu bê tông 200 x 200 x 200mm	Đúc mẫu bê tông	Cái	03
7	Khuôn tạo mẫu bê tông 150 x 150 x 150mm	Đúc mẫu bê tông	Cái	64
8	Khuôn trụ chống thấm 15 x 15 x 15 mm	Đúc mẫu BT chống thấm	Cái	28
9	Khuôn tạo mẫu uốn bê tông 150 x150x300	Đúc mẫu bê tông	Cái	01
10	Khuôn thử độ ổn định thể tích xi măng	TN xi măng	Cái	10
11	Khuôn mẫu xi măng	TN xi măng	Cái	10
12	Khuôn mẫu 10 x10x10 kép 3	Đúc mẫu bê tông	Bộ	41
13	Bộ capping đầu mẫu trụ	Capping đầu mẫu trụ	Bộ	01
14	Bộ khuôn thử uốn mẫu xi măng	TN xi măng	Bộ	01
15	Bộ gá uốn mẫu bê tông 2 điểm	TN bê tông	Bộ	01
16	Thiết bị kiểm tra tỷ diện xi măng	TN xi măng	Bộ	01
17	Bộ côn xác định độ hấp thụ nước của cốt liệu	TN cát + đá	Bộ	01
18	Sàng tiêu chuẩn ĐK 200 mm, cỡ sàng 0,08 , 0.09 mm	TN xi măng	Bộ	01
19	Bộ cối chày đồng	TN đá	Bộ	01
20	Đồng hồ bấm giây	TN xi măng	Cái	02
21	Côn chày thử độ lưu động của vữa	TN vữa	Bộ	01
22	Bình tam giác miệng rộng 500ml	TN xi măng + cát	Cái	04
23	Bình tam giác miệng rộng 1000ml	TN xi măng+ đá	Cái	02
24	Bàn dần vữa tay quay	TN bê tông	Cái	01
25	Ống lấy mẫu xi măng	TN xi măng	Cái	01

90560-
3 TỶ
PHÂN
AI-ĐẠO TỬ
VIG - T. VINA

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN
ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

TRUNG TÂM CHỨNG NHẬN PHÙ HỢP



ISO 9001:2008

DIRECTORATE FOR STANDARDS,
METROLOGY AND QUALITY (STAMEQ)
VIETNAM CERTIFICATION CENTRE
QUACERT

GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

No.: HT 1615/1.11.16

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng của:
This is to certify that the Quality Management System of

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ
XUAN MAI - DAO TU JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ/ address:

Phố Bê tông, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Be tong Street, Dao Tu Commune, Tam Duong District, Vinh Phuc Province, Vietnam

cho lĩnh vực / for the following activities:

Sản xuất Cầu kiện bê tông đúc sẵn
Manufacture of Precast Concrete Components

đã được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn:
has been assessed and found to conform with the requirements of the following standard

TCVN ISO 9001 : 2008 / ISO 9001 : 2008

Giấy chứng nhận này có giá trị từ / This certificate is valid from:

30/03/2011 đến / to 29/03/2014

Tổng cục TC-ĐL-CL
TỔNG CỤC TRƯỞNG
(The Director General of STAMEQ)

Ngô Quý Việt

Hội đồng Chứng nhận
CHỦ TỊCH
(The Chairman of the Certification Board)

Phạm Hồng

Trung tâm Chứng nhận QUACERT
GIÁM ĐỐC
(The Director of QUACERT)



Nguyễn Nam Hải

NĂNG LỰC THIẾT BỊ CÔNG TY NĂM 2012

TT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVỊ	NĂM SX	NƯỚC SẢN XUẤT	SỐ LƯỢNG	CÔNG SUẤT HOẠT ĐỘNG	CHẤT LƯỢNG THIẾT BỊ	VỊ TRÍ HIỆN NAY
I	THIẾT BỊ CƠ GIỚI				24			
1	Máy xúc lật KAWASAKI	cái	1998	Nhật	1	V gầu=0.95m ³	Máy HD BT	Công ty
2	Máy xúc lật KOMASU	cái	1998	Nhật	1	V gầu=0.95m ³	Máy HD BT	Công ty
3	Máy xúc lật TCM	cái	1998	Nhật	1	V gầu=0.95m ³	Máy HD BT	Công ty
4	Máy xúc lật XCMG	cái	2009	TQ	1	V gầu=1,75m ³	Tốt	Công ty
5	Máy xúc HUYNDAI 2200LC	cái	1997	Hàn Quốc	1	V gầu=0.8m ³	Máy HD BT	Đội SXVL
6	Ô tô đầu kéo Maz 504	cái	1984	Liên Xô	1	15 Tấn	HD BT	Công ty
7	Ô tô Zin 130	cái	1984	Liên Xô	3	8 Tấn	HD BT	Công ty
8	Ô tô KPaz đầu kéo	cái	2003	Liên Xô	2	19 Tấn	HD BT	Công ty
9	Ô tô Kamaz đầu kéo	cái	1994	Liên Xô	1	19 Tấn	HD BT	Công ty
10	Ô tô v/c bê tông Kamaz	cái	1993	Liên Xô	1	5m ³	HD BT	Công ty
11	Ô tô v/c bê tông Kpaz	cái	1993	Liên Xô	1	5m ³	HD BT	Công ty
12	Ô tô v/c bê tông DONGFENG	cái	2009	Trung Quốc	5	8 m ³	Tốt	Công ty
13	Xe nâng komatsu	cái	2002	Nhật	1	5 Tấn	HD BT	Công ty
14	Ô tô IFAben	cái	1990	Đức	1	4m ³	HD BT	Công ty
15	Ô tô IFA đầu kéo	cái	1990	Đức	1	15 tấn	HD BT	Công ty
16	Ô tô ben Dongfeng	cái	2010	Trung Quốc	2	8 Tấn	tốt	Công ty
II	THIẾT BỊ BỐC ĐỖ				31			
1	Cổng trục 1 dầm Đức 8 tấn	cái	1972	Đức	1	5 Tấn	Tốt	Công ty
2	Cổng trục 2 dầm 7,5 tấn	cái	2009	Việt Nam	1	7,5	Tốt	Công ty
3	Cổng trục 1dầm 5 tấn	cái	2009	Việt Nam	1	5	Tốt	Công ty
4	Cổng trục 02 dầm Hồng nam 10t	cái	2005	Việt nam	1	10 Tấn	Tốt	Công ty
5	Cầu trục Hồng Nam 10t	cái	2005	Việt Nam	3	10 Tấn	Tốt	Công ty
6	Cầu trục 2 dầm FOMACH 5t	cái	2005	Việt Nam	1	5 Tấn	Tốt	Công ty
7	Cầu trục 2dầm MEGASTAR 10t	cái	2007	Việt Nam	2	10 Tấn	Tốt	Công ty

TT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVỊ	NĂM SX	NƯỚC SẢN XUẤT	SỐ LƯỢNG	CÔNG SUẤT HOẠT ĐỘNG	CHẤT LƯỢNG THIẾT BỊ	VỊ TRÍ HIỆN NAY
8	Cầu trục 2dầm MEGASTAR 10t	cái	2008	Việt Nam	2	10 Tấn	Tốt	Công ty
9	Cầu trục 2 dầm Sao việt 10t	cái	2010	Việt Nam	3	10 tấn	Tốt	Công ty
10	Cầu trục 2 dầm Sao việt 10t	cái	2011	Việt Nam	2	10 tấn	Tháng 6 lắp đặt	Công ty
11	Cầu trục 01dầm 5t	cái	1972	Đức	1	5 Tấn	Tốt	Công ty
12	Cầu trục 2 dầm Vimexco 5t	cái	2005	Việt Nam	1	5 Tấn	Tốt	Công ty
13	Palăng xích	cái	2006	Nhật	2	5 Tấn	Tốt	Công ty
14	Xe gòng	Cái	2011	VN	10		Tốt	Công ty
III	THIẾT BỊ NÂNG LƯỢNG				14			
1	Máy biến áp	cái	2008	Việt Nam	1	320KVA-10/0,4KV	Tốt	Công ty
2	Máy biến áp	cái	1984	Liên Xô	1	1000KVA-10/0,4KV	Tốt	Công ty
3	Máy biến áp	cái	2004	Việt Nam	1	400KVA35(22)/0,4	Tốt	Đội SXVL
4	Máy biến áp	cái	2007	Việt Nam	1	250KVA	Tốt	Đội SXVL
5	Máy nén khí	cái	2010	Đài loan	4	105 lít	Tốt	Công ty
6	Máy nén khí 1,05	cái	2010	Trung Quốc	1	267Lít	Tốt	Công ty
7	Máy nén khí 1,8	cái	2004	Trung Quốc	1	200lít	Tốt	Công ty
8	Máy nén khí 2,6	cái	1984	Trung Quốc	1	200 lít	Tốt	Công ty
9	Máy nén khí Mikeiki	cái	2005	Nhật	1	10m3/phút	Tốt	Công ty
10	Máy phát điện	cái	1984	Đức	1	330KVA	Tốt	Công ty
11	Nồi hơi 0.3T/h	cái	2000	Việt Nam	1	0.5T/h	Không SD	Công ty
IV	THIẾT BỊ GIA CÔNG CƠ KHÍ				13			
1	Máy cắt tôn Cansai	cái	1984	Nhật	1		Tốt	Công ty
2	Máy khoan cần	cái	1984	Trung Quốc	4		Tốt	Công ty
3	Máy khoan từ	cái	2006		1		Tốt	Công ty
4	Máy tiện Niskawa	cái	1984	nhật	1		Tốt	Công ty
5	Máy cắt hơi tự động	cái	2005	Trung Quốc	1		Tốt	Công ty
6	Máy tốt thép Φ 5	cái	1972	Đức	1		Tốt	Công ty
7	Máy tốt thép Φ 8	cái	2006	Việt Nam	3		Tốt	Công ty
8	Máy khoan từ	cái	2006	Nhật	1		Tốt	Công ty
V	THIẾT BỊ GIA CÔNG CỐT THÉP				47			
1	Máy hàn 1 chiều 4 mô	Bộ	1984	Liên Xô	1		Tốt	Công ty
2	Máy hàn một điểm	cái	1984	Liên Xô	1		Tốt	Công ty

TT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVỊ	NĂM SX	NƯỚC SẢN XUẤT	SỐ LƯỢNG	CÔNG SUẤT HOẠT ĐỘNG	CHẤT LƯỢNG THIẾT BỊ	VỊ TRÍ HIỆN NAY
3	Máy hàn xoay chiều	cái	2006	Hàn Quốc	29		Tốt	Công ty
4	Máy cắt thép D25	cái	2002	Nhật	3		Tốt	Công ty
5	Máy cắt thép D32	cái	2002	Nhật	1		Tốt	Công ty
6	Máy cắt thép D32	cái	2002	TQ	1		Tốt	Công ty
7	Máy uốn thép D32	cái	2005	Trung Quốc	1		Tốt	Công ty
8	Máy uốn thép D25	cái	2002	Nhật	5		Tốt	Công ty
9	Máy kéo cáp PAUL	cái	2009	Đức	2		Tốt	Công ty
10	Máy kéo cáp PAUL	cái	2005	Đức	1		Tốt	Công ty
11	Máy tu đầu cáp T5, T7	cái	2010	Trung Quốc	2		Tốt	Công ty
VI	THIẾT BỊ BÊ TÔNG				37			
1	Máy khoan bê tông	cái	2007	Nhật	3		Tốt	Công ty
2	Trạm trộn bê tông IMI	cái	2005	Việt Nam	2	60m ³ /h	Tốt	Công ty
3	Trạm trộn bê tông VXM 40	cái	2002	Liên Xô	1	30m ³ /h	Tốt	Công ty
4	Máy trộn 350lít	cái	2002	Trung Quốc	1		Tốt	Công ty
5	Máy kinh vĩ	cái	2006	Nhật	3		Tốt	Công ty
6	Máy thủy chuẩn	cái	2006	Nhật	3		Tốt	Công ty
7	Máy thủy chuẩn	cái	2010	Nhật	1		Tốt	Công ty
8	Khuôn cống Φ(600 x 2000)	Bộ	2006	Việt Nam	20	Φ (600 x 2000)	Tốt	Công ty
9	Máy đóng gạch Block	cái	2007	Việt Nam	1		Tốt	Công ty
10	Trạm nghiền đá TDSU - 200	trạm	1998	Liên Xô	1	180tấn/giờ	BT	Đội SXVL
11	Trạm nghiền đá CMD 739 -740	Trạm	2006	Liên Xô	1	100m ³ /ca	BT	Đội SXVL
VII	THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM				12			
1	Máy thử độ bền nén	cái	2005	Anh	1		Tốt	Công ty
2	Máy kéo thép	cái	2005	Đức	1		Tốt	Công ty
3	Máy thử độ bền kéo	cái	2005	Trung Quốc	1		Tốt	Công ty
4	Búa thử bê tông	cái	2005	Nhật	1		Tốt	Công ty
5	Cân điện tử KW100kg	cái	2005	Đài Loan	1		Tốt	Công ty
6	Cân đĩa TYT-20A	cái	2005	Trung Quốc	1		Tốt	Công ty
7	Cân đĩa 4kg	cái	2008	USA	1		Tốt	Công ty
8	Bàn rung tạo mẫu bê tông	cái	2005	Trung Quốc	1		Tốt	Công ty
9	Máy trộn vữa 30lít	cái	2005	Trung Quốc	1		Tốt	Công ty

TT	TÊN THIẾT BỊ	ĐVỊ	NĂM SX	NƯỚC SẢN XUẤT	SỐ LƯỢNG	CÔNG SUẤT HOẠT ĐỘNG	CHẤT LƯỢNG THIẾT BỊ	VỊ TRÍ HIỆN NAY
10	Máy dẫn tạo mẫu xi măng	cái	2005	Trung Quốc	1		Tốt	Công ty
11	Bộ đo và ĐK tú sậy	cái	2005	Trung Quốc	1		Tốt	Công ty
15	Cân ô tô điện tử 120 tấn	cái	2008	Việt Nam	1		Tốt	Công ty
VIII	Ô TÔ CON				6			
1	Xe ô tô 88K - 4159	cái	2010	Nhật	1		Tốt	Công ty
2	Xe ô tô 88H - 8037	cái	2008	Nhật	1		Tốt	Công ty
3	Xe ô tô 33H - 9224	cái	2005	Hàn Quốc	1		Tốt	Công ty
4	Xe ô tô 33H - 0491	cái	2005	Nhật	1		Tốt	Đội XL
5	Xe ô tô 88k - 1187	cái	2009	Nhật	1		Tốt	Công ty
6	Xe ô tô 33H - 4199	cái	2005	Hàn Quốc	1		Tốt	Công ty
TỔNG CỘNG					184			

Vĩnh Phúc, ngày 01 tháng 4 năm 2012

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN BÉ TÔNG VÀ XÂY DỰNG
VINACONEX XUÂN MAI
CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

=====@@=====

DANH SÁCH MỘT SỐ CÔNG TRÌNH ĐÃ VÀ ĐANG THAM GIA THI CÔNG

TT	TÊN DỰ ÁN VÀ VỊ TRÍ	ĐỊA ĐIỂM	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐẦU TƯ/ NHÀ THẦU CHÍNH	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN (TR.Đ)
I.	CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG				716.853
1.	Tắm ghế sân vận động Việt Trì	Việt Trì Phú Thọ	2004	Cty CP Xây dựng số 3	1.895
2.	Nhà 34 tầng Trung Hoà - Nhân Chính (Tắm sàn)	Hà Nội	2004	Tổng Cty Vinaconex	1.304
3.	Chung cư cao cấp Mỹ Đình (Toà nhà CT5)	Hà Nội	2005	Cty ĐT PTHT & KCN Sông Đà	3.400
4.	Chung cư cao cấp SYRENA Hồ Tây	Hà Nội	2005	Cty Liên doanh SYRENA	2.080
5.	Cảng tin TOTO	Hà Nội	2005	VINATA	2.428
6.	Sân Vận động Sông Công	Thái Nguyên	2005	Cty CP Xây dựng số 3	1.400
7.	CINEMA Bowling - Quảng Ninh	Quảng Ninh	2005	Cty Đầu tư PTSX Hạ Long	1.213
8.	Mê linh Plaza	Vĩnh Phúc	2005	Cty TNHH đầu tư T & M - Việt Nam	3.426
9.	Trường tiểu học Lăng Công	Vĩnh Phúc	2005	Hội cựu SV Học Viện Tài Chính	1.843
10.	Chung cư 11 tầng Hà Đô	Hà Nội	2005-2006	Cty CP đầu tư An Lạc	2.657
11.	Chợ thương Bắc giang	Bắc Giang	2006	Cty CP Xây dựng số 3	1.002
12.	Trung tâm thương mại Thái Hưng	Việt Trì Phú Thọ	2006	Cty TNHH Thái Hưng	4.444
13.	Chợ Thái Thái Nguyên	TP Thái Nguyên	2006	Cty Cổ phần Trung Tín	3.401
14.	Toà nhà CT2 Vimcco	Hà Nội	2006-2007	Cty CP cơ giới lắp máy & XD	16.000
15.	Nhà văn phòng 11 tầng Mêlinh Plaza	Vĩnh Phúc	2006-2007	Cty TNHH đầu tư T & M - Việt Nam	4.660
16.	Chung cư cho người có thu nhập thấp tại Vĩnh Yên	Vĩnh Yên	2006-2012	Vinaconex Xuân Mai	112.197

TT	TÊN DỰ ÁN VÀ VỊ TRÍ	ĐỊA ĐIỂM	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐẦU TƯ/ NHÀ THẦU CHÍNH	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN (TR.Đ)
17.	Trường học Hùng Thắng	Quảng Ninh	2007	Cty TNHH ĐT và PT SX Hà Long	1.226
18.	Siêu thị nội thất và VLXD Prime Group	Vĩnh Yên	2007	Cty TNHH Yên Bình	2.715
19.	Toà Nhà CT1 - Ván Khé Hà Đông	Hà Đông	2008	Cty CP Sóng Đà 1.01	22.049
20.	Kho chứa hàng hoá và trưng bày SP Cty Thái Hưng	Việt Trì Phú Thọ	2008	Cty TNHH Thái Hưng	4.250
21.	Nhà ở thí điểm cho Công nhân KCN Bắc Thăng Long	Hà Nội	2007-2008	Tổng Cty Vinaconex	6.729
22.	TT Dịch vụ số 2 - KĐT mới THNC	Hà Nội	2008	Cty CP Xây dựng số 7	845
23.	Cống hoá mương Phan Kế Bính - Nhà để xe	Hà Nội	2008	Tổng Cty Vinaconex	2.352
24.	TTTTM & Công viên VHTT giải trí Hùng Thắng	Quảng Ninh	2008	Cty TNHH ĐT và PT SX Hà Long	10.609
25.	Cầu lạc bộ sức khoẻ Syrena	Hà Nội	2008	Cty Liên doanh Syrena	1.203
26.	Trụ sở và VP cho thuê Công ty Vinaconex 2	Hà Nội	2008-2009	Cty CP Xây dựng số 2	2.097
27.	Khách sạn Hà Nội Plaza	Hà Nội	2008-2009	Cty CP Xây dựng số 2 - Vinaconex	1.539
28.	DA N05 - KĐT Đông Nam Trần Duy Hưng	Hà Nội	2009-2011	Tổng Cty Vinaconex	88.680
29.	Nhà 25 CT1 chung cư Ngõ Thù Nhậm	Hà Nội	2008-2009	Vinaconex Xuân Mai	33.497
30.	Công trình TTVH TT TP Việt Trì - Phú Thọ	Việt Trì Phú Thọ	2008-2011	Cty ĐT XD Hạ tầng & Giao thông	4.406
31.	Nhà hàng Văn Minh	Hà Nội	2009	Cty TNHH Văn Minh	1.075
32.	Golf Club	Hà Nội	2009	Cty CP DV và giải trí Tân Sáng	898
33.	Siêu thị Primemart Phú Thọ	Phú Thọ	2009	Cty TNHH Thái Hưng	3.331
34.	Khu nhà ở cao cấp Hemisco	Hà Nội	2009-2011	Cty CP Sóng Đà 1.01	52.887
35.	Toyota Giải Phóng - CN Pháp Vân	Hà Nội	2009-2010	Cty CP Toyota	7.683
36.	Khu nhà ở cho HS, SV Mỹ Đình 2	Hà Nội	2009-2010	Tổng Cty Vinaconex	35.710
37.	Văn phòng Viện Dầu khí	Hà Nội	2009-2010	Cty CP Xây lắp Dầu Khí	475
38.	Bảo tàng Hà Nội	Hà Nội	2009-2010	Tổng Cty Vinaconex	8.035

TT	TÊN DỰ ÁN VÀ VỊ TRÍ	ĐỊA ĐIỂM	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐẦU TƯ/ NHÀ THẦU CHÍNH	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN (TR.Đ)
39.	Trung tâm thương mại Vinh Yên Plaza	Vinh Yên	2009-2010	Cty TNHH Soiva - VN	13.622
40.	Toà nhà K3B Thành Công	Hà Nội	2010	Cty TNHH MTV Hồng Hà - Thành Công	3.321
41.	Trung tâm thương mại Minh Khối	Nam Định	2010	Cty TNHH Minh Khối	22.679
42.	Trung tâm thương mại Bình Minh	Việt Trì Phú Thọ	2010	Cty TNHH Bình Minh	13.837
43.	Trung tâm xe máy điện máy Thái Hưng	Vinh Yên	2010	Cty TNHH Thái Hưng	1.566
44.	Tổ hợp CC cao tầng Nam Xa La (ĐN1+ĐN2) - Tầng hầm	Hà Nội	2011	Liên danh Cty CP Đầu tư TVXD Việt Nam và Cty CP ĐTKD PT Hà Tăng Phúc Hà	7.941
45.	Trung tâm thương mại Chợ Mơ	Hà Nội	2011-2012	Tổng Cty Vinaconex	69.623
46.	Chung cư cao tầng C2 - Xuân Đình	Hà Nội	2011-2012	Cty CP phát triển nhà DAICHI	23.416
47.	Nhà ở thí điểm phục vụ công nhân Kim Chung - Đông Anh - Hà Nội (CT1, CT2, CT3)	Hà Nội	2011-2012	Tổng Cty CP Vinaconex	35.383
48.	Toà nhà cao tầng hỗn hợp nhà ở VP, DV CT2 - Tô Hiệu	Hà Nội	2012	Vinaconex Xuân Mai	36.829
49.	Trung tâm thương mại Bình Minh - Showroom and Workshop	Việt Trì Phú Thọ	2012	Cty TNHH Bình Minh	9.161
50.	Nhà 17 tầng khu chung cư cao tầng Hùng Thắng - Q.Ninh	Quảng Ninh	2012	Vinaconex Xuân Mai	23.835
II. CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP					257.702
1.	Nhà xưởng - Công ty TNHH Song Ngân	Hà Nội	2005	Cty TNHH Song Ngân	1.586
2.	Nhà máy in thêu Xuất Khẩu Kim Hoàng	Hà Nội	2005	Cty TNHH Kim Hoàng	1.127
3.	Nhà xưởng TOTO - Giai đoạn II	Hà Nội	2005	VINATA	2.428
4.	Nhà máy Showa Densen	Hà Nội	2005	Cty TNHH Quốc tế liên doanh	2.915
5.	Nhà máy Muto	Vinh Phúc	2005	Cty xây dựng số 15	2.463
6.	Nhà máy Katolec	Vinh Phúc	2005	Cty đầu tư và XD nhà cao tầng	3.850
7.	Nhà máy Microtokyo	Hà Nội	2005-2006	Cty TNHH Q.tế liên doanh	4.186
8.	Nhà máy Asahi	Vinh Phúc	2005-2006	Cty XD Sumitomomtui	9.553
9.	Nhà máy Panasonic	Bắc Thăng long	2006	VINATA	4.017

TT	TÊN DỰ ÁN VÀ VỊ TRÍ	ĐỊA ĐIỂM	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐẦU TƯ/ NHÀ THẦU CHÍNH	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN (TR.Đ)
10.	Nhà máy Honda	Mê Linh Vĩnh Phúc	2006	Cty Đầu tư và XD nhà cao tầng	3.654
11.	Nhà máy TOYOINK	Quế Võ Bắc Ninh	2006	VINATA	4.370
12.	Nhà máy xi măng Cẩm Phả	Quảng Ninh	2005-2007	Tổng Cty Vinaconex	7.072
13.	Nhà máy xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	2005-2007	Tổng Cty Sông Đà	8.573
14.	Nhà kho và văn phòng làm việc Euro Window	Vĩnh Phúc	2007	Cty TNHH Cửa sổ nhựa Châu Âu	226
15.	Nhà máy ASTI	Bắc Thăng long	2007	VINATA	683
16.	Nhà máy Phan Nissin GD3	Vĩnh Phúc	2007	Cty XD Nishimatsu	3.296
17.	Nhà máy MAP	Hà Nội	2007-2008	VINATA	9.146
18.	Nhà máy in Offset và bảo bì carton sóng	Vĩnh Phúc	2007-2008	VINATA	861
19.	Cung cấp cột PV thi công Nhà máy Bê tông Phan Vũ	Hải Dương	2007-2008	Vinaconex Xuân Mai	3.421
20.	Xây dựng mới Nhà xưởng CK1 - Nhà máy Bê tông Đạo Tú	Vĩnh Phúc	2007-2008	Vinaconex Xuân Mai	9.000
21.	Nhà máy Dệt len Khánh Chúc	Vĩnh Phúc	2008	Cty TNHH Khánh Chúc	1.306
22.	Nhà máy Sumitomo Heavy III	Hà Nội	2008	VINACONEX E&C	2.530
23.	Nhà văng sấy kho thành phẩm Cty Dệt 10/10	Gia Lâm - Hà Nội	2008	Cty CP XD - Du lịch Hà Hải	5.567
24.	Nhà máy Bê tông Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2008	Cty CP Bê tông Vĩnh Phúc	4.248
25.	Nhà máy Nagatsu	Hà Nội	2008	Cty ZENITAKA	2.391
26.	Cải tạo nhà kho hàng nhập Nhà máy Goshi	Gia Lâm - Hà Nội	2008	Cty CP VINACONEX 6	1.344
27.	Nhà máy Bando Việt Nam	Phủ Thọ	2008	Cty Minh Phương	926
28.	Cầu kiện Nhà máy Compal Việt Nam	Vĩnh Phúc	2009	Cty Tân Việt	4.957
29.	Xây dựng mới Nhà xưởng CK2 - Nhà máy Bê tông Đạo Tú	Vĩnh Phúc	2009	Vinaconex Xuân Mai	10.328
30.	Nhà máy sản xuất đồ gỗ Procons	Hà Nội	2009	Cty CP XD Procons	1.351
31.	Thi công lắp dựng Nhà 5T3 Chun cư Vinaconex Xuân Mai	Xuân Mai	2009-2010	Vinaconex Xuân Mai	1.520

TT	TÊN DỰ ÁN VÀ VỊ TRÍ	ĐỊA ĐIỂM	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐẦU TƯ/ NHÀ THẦU CHÍNH	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN (TR.Đ)
32.	Nhà máy sản xuất thiết bị cơ điện Việt Pháp	Hà Nội	2009-2010	Cty SX thiết bị CD Việt Pháp	9.510
33.	Nhà máy Katolec (Giai đoạn 2)	Vĩnh Phúc	2011	Cty Đầu tư và XD nhà cao tầng	7.382
34.	Nhà máy Muto (Giai đoạn 2)	Vĩnh Phúc	2011	Cty CP kỹ thuật XD và TM C.E.T	1.168
35.	Xưởng sản xuất lắp ráp đồ gỗ gia dụng và sản phẩm kim loại cho xây dựng - NM in và SX vớ học sinh	Hà Nội	2011-2012	Cty CP TM & Đầu Tư Trường Hải	32.817
36.	Nhà máy Panasonic mở rộng	Bắc Thăng Long	2011-2012	VINATA	33.125
37.	Trạm cấp xăng nội bộ - Toyota	Hà Nội	2012	VINATA	600
38.	Nhà máy Nippo - Phase III	KCN Nội Bài	2012	VINATA	8.440
39.	Trụ sở Ngân hàng Sea Bank Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2012	Cty CP DV TM Điện máy Vĩnh Phúc	1.275
40.	Nippo Mechatronics (Việt Nam) Giai đoạn 3	Sóc Sơn - Hà Nội	2012	Vinaconex Xuân Mai	784
41.	Nhà máy Kyocera - Zone 1	Hưng Yên	2012	Vinaconex Xuân Mai	43.704
III. SX VÀ CUNG CẤP CỌC BTCT DƯỠI, CỬ BTCT DƯỠI					95.571
1.	Cọc DƯỠI KĐT Hùng Thắng - Quảng Ninh	Quảng Ninh	2005	Cty Đầu tư PTSX Hạ Long	6.011
2.	Cọc DƯỠI Nhà máy Bê tông Phan Vũ	Hải Dương	2007-2008	Vinaconex Xuân Mai	4.035
3.	Cọc DƯỠI Nhà CT3 - Văn Khê Hà Đông	Hà Đông	2007-2008	Cty CP ĐT KD & XD 126	1.753
4.	Cọc DƯỠI DA N05 - KĐT Đông Nam Trần Duy Hưng	Hà Nội	2008	Tổng Cty Vinaconex	10.869
5.	Cọc DƯỠI Nhà máy Compal Việt Nam	Vĩnh Phúc	2008	Cty CP Constrexim 1	10.500
6.	Cọc DƯỠI Chung cư Phùng Khoang	Hà Nội	2008	Cty CP Đầu tư An Lạc	6.500
7.	Cọc Starlight Phú Nghĩa	Hà Nội	2008	Cty Starlight Sportwear Co.,Ltd	3.032
8.	Cọc BTCT DƯỠI DA chung cư Ngõ Thù Nhậm	Hà Nội	2009	Vinaconex Xuân Mai	1.722
9.	Cọc BTCT DƯỠI DA chung cư Xuân Đình	Hà Nội	2009	Cty CP CIRI Xuân Đình	735
10.	Cử BTCT DƯỠI DA khu nhà ở cao cấp Skylight	Hà Nội	2009	Cty CP COMA đầu tư KD BDS	2.094
∑1.	Cọc BTCT DƯỠI DA nhà ở kết hợp dịch vụ Sakura Tower	Hà Nội	2009	Cty CP Hùng Tiến Kim Sơn	1.443

TT	TÊN DỰ ÁN VÀ VỊ TRÍ	ĐỊA ĐIỂM	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐẦU TƯ/ NHÀ THẦU CHÍNH	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN (TR.Đ)
12.	TTTTM Vĩnh Yên Plaza	Vĩnh Phúc	2009	Cty CP Đầu tư XD Thương Mại XNK G8	527
13.	Cọc BTCT DƯỠ DA Hemisco	Hà Nội	2009	Cty CP Sông Đà 1.01	1.347
14.	Cọc BTCT DƯỠ DA Khách sạn Hạ Long Bay	Quảng Ninh	2009	Cty CP Bê tông Vinaconex Phan Vũ	895
15.	Cọc BTCT DƯỠ DA Xưởng SX lắp ráp đồ gỗ gia dụng và sản phẩm kim loại cho XD	Hà Nội	2009	Cty CP TM & Đầu Tư Trường Hải	4.344
16.	Cừ BTCT TTTM Chợ Mơ	Hà Nội	2009-2010	Cty CP phát triển TM Vinaconex	7.362
17.	Cọc BTCT DƯỠ Nhà máy may Thái Bình	Thái Bình	2010	Cty SS Buider Việt Nam	723
18.	Cọc BTCT DƯỠ Nhà máy Đá ốp lát Vinaconex	Hà Nội	2010	Cty đá ốp lát cao cấp Vinaconex	1.515
19.	Cọc BTCT DƯỠ Tiểu Khu đô thị Chuôm Ngó	Hà Nội	2010	Cty CP Đầu tư An Lạc	172
20.	Cọc BTCT DƯỠ Nhà ở HSSV Mỹ Đình 2	Hà Nội	2010	Sở Xây dựng - UBND TP Hà Nội	4.400
21.	Cọc BTCT DƯỠ Nhà 19T3 - Nhà thu nhập thấp Kiến Hưng	Hà Nội	2010	Vinaconex Xuân Mai	2.500
22.	Cọc BTCT DƯỠ nhà ở Kim Chung - Đông Anh	Hà Nội	2010	Tổng Cty CP Vinaconex	4.264
23.	Cọc BTCT DƯỠ, Cừ BTCT Nhà CT2 - Tô Hiệu	Hà Nội	2011	Vinaconex Xuân Mai	18.828
IV. CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG					15.583
1.	Dầm cầu Tam Canh	Vĩnh Yên	2005	Cty Sông Đà 101	2.300
2.	Cọc + Dầm cầu Lũng Hoà	Vĩnh Phúc	2008	Cty CP Bảo Quân	512
3.	Dầm cầu Thôn Một - Đường Trối - Quảng Ninh	Quảng Ninh	2008-2009	Cty 508	1.718
4.	Cọc Cầu Mũi + Cầu Vật Cách DA Đường tránh QL2	Vĩnh Phúc	2009	Cty CP Đầu tư XD và DV Sông Hồng	6.407
5.	Dầm cầu Đồng Cạn	Nghệ An	2009	Cty CP XD và TM G.C.T	200
6.	Dầm cầu Chùa Đậu - Thường Tín - Hà Nội	Hà Nội	2009	Cty TNHH Hoàng Tiến	299
7.	Dầm cầu Đầm Vạc	Vĩnh Phúc	2009	Cty Văn Hội Vĩnh Phúc	569
8.	Dầm cầu H8 Km6 + 58.64 Phúc Thọ - Hà Nội	Vĩnh Phúc	2010	Cty CP Đầu tư XD và PTHH Ngọc Hà	290
9.	Dầm cầu Yên Thượng - Hợp Hoà - Tam Dương	Vĩnh Phúc	2011	Cty CP Tư vấn Đầu tư XD 618	647

TT	TÊN DỰ ÁN VÀ VỊ TRÍ	ĐỊA ĐIỂM	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐẦU TƯ/ NHÀ THẦU CHÍNH	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN (TR.Đ)
10.	Dầm cầu Bảo Phác - Hợp Châu - Tam Đảo	Vĩnh Phúc	2011	Cty CP Xây dựng Thái Hoà	570
11.	Dầm cầu Bến Trầu - Phú Xuyên - Hà Nội	Hà Nội	2012	Cty CP Lắp đặt và XD Hưng Thịnh	580
12.	Dầm cầu Dâu, cầu Bảo Phác - Hợp Châu - Tam Đảo	Vĩnh Phúc	2012	Cty CP Xây dựng Thái Hoà	855
13.	Bố vỉa cầu vượt đường sắt Đầm Vạc	Vĩnh Phúc	2012	Cty CP Cotabig	636
V. CUNG CẤP BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM					43.674
1.	Sân Golf Tam Đảo	Vĩnh Phúc	2004	Chi nhánh Cty CP Trường Tiến	154
2.	Trụ sở Điện lực tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2004	Cty CP XL và TVTK số 1 Hà Nội	60
3.	Nhà điều hành sân Golf Tam Đảo	Vĩnh Phúc	2004-2005	Cty CP Đầu tư và XD HUD I	2.833
4.	Nhà máy Phan Nissin	Vĩnh Phúc	2005	Cty CP đầu tư và XD số 34	200
5.	Nhà máy Phan Nissin	Vĩnh Phúc	2005	Cty CP Xây dựng số 15 - Vinaconex	1.477
6.	Cầu Oai - QL2 - Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2005	Cty cầu 3 Thăng Long	319
7.	Nhà riêng, hộ kinh doanh nhỏ	Vĩnh Phúc	2005	Nhà riêng, hộ kinh doanh nhỏ	666
8.	Khách sạn 4 sao Cty Sông Hồng Thủ Đô Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2005-2006	Cty Sông Hồng Thủ Đô	1.753
9.	Cầu Liễn Sơn - QL2C - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2005-2006	Cty Công trình Giao thông 121	587
10.	Cầu Tiên Châu - QL2 - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2005-2006	Cty CP Sông Đà 1.01	2.350
11.	Trụ sở Cty TNHH XD và TM Thanh Hoà	Vĩnh Phúc	2006	Cty TNHH XD và TM Thanh Hoà	308
12.	Nhà riêng, hộ kinh doanh nhỏ	Vĩnh Phúc	2006	Nhà riêng, hộ kinh doanh nhỏ	534
13.	Nền nhà xưởng Công ty Prime Ngói Việt	Vĩnh Phúc	2007	Cty CP Prime Ngói Việt	244
14.	Khách sạn Kim Anh T50 Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2007	Cty TNHH TM Đức Thảo	238
15.	Cty CP Prime Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2007	Cty CP Prime Vĩnh Phúc	224
16.	Cty CP XD Lạc Hồng	Vĩnh Phúc	2007	Cty CP XD Lạc Hồng	382
17.	Cty TNHH An Quý Hưng	Vĩnh Phúc	2007	Cty TNHH An Quý Hưng	199

TT	TÊN DỰ ÁN VÀ VỊ TRÍ	ĐỊA ĐIỂM	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐẦU TƯ/ NHÀ THẦU CHÍNH	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN (TR.Đ)
18.	Nhà riêng, hộ kinh doanh nhỏ	Vĩnh Phúc	2007	Nhà riêng, hộ kinh doanh nhỏ	577
19.	Đường vào khu vực mỏ đá Công ty Bảo Quân	Vĩnh Phúc	2008	Cty Bảo Quân	309
20.	Kênh bến tre - Đạo Tú - Tam Dương - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2008	Cty CP XDNN và PTNT Thanh Hoá	221
21.	Nhà riêng, hộ kinh doanh nhỏ	Vĩnh Phúc	2008	Nhà riêng, hộ kinh doanh nhỏ	767
22.	Đại học Trưng Vương	Vĩnh Phúc	2008-2009	Trường ĐH Trưng Vương	631
23.	Nhà máy Shinwon	Vĩnh Phúc	2008-2009	Cty CP Thi công cơ giới Xây Lắp	1.559
24.	Trung tâm điện tử điện máy Sơn Lạc	Vĩnh Phúc	2009	Cty TNHH TM - Du lịch Sơn Lạc	247
25.	Trường Cao đẳng nghề Cơ giới - Cơ khí XD I	Vĩnh Phúc	2009	Trường CD nghề CGCK XD I	890
26.	Nền nhà xưởng Công ty Prime Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2009	Cty CP Prime Vĩnh Phúc	398
27.	Nhà xưởng nhà máy đóng tàu Bạch Hạc - KCN Bạch Hạc	Phú Thọ	2009	Cty CP Lilama 3	427
28.	Cầu Mũi + Cầu Vật Cách đường tránh QL2 - Vĩnh Yên - VP	Vĩnh Phúc	2009	Cty CP Đầu tư XD và DV Sông Hồng	860
29.	Cầu Đám Vạc - TP Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2009	Cty TNHH XDPT Hạ Tầng Văn Hội	483
30.	Nền nhà xưởng Cty TNHH Hoá chất Hồng Phát	Vĩnh Phúc	2009	Cty TNHH Hoá chất Hồng Phát	224
31.	Nhà riêng, hộ kinh doanh nhỏ	Vĩnh Phúc	2009	Nhà riêng, hộ kinh doanh nhỏ	922
32.	Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc, Trụ sở đoàn Ca múa nhạc tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2009-2010	Doanh nghiệp TN Ngọc Tú	1.372
33.	Bệnh viện 109	Vĩnh Phúc	2009-2010	Cty CP Hà Đô 2	293
34.	Trụ sở đoàn chèo tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2009-2010	XN XD2 - Cty Vĩnh Hà	459
35.	Bệnh viện Y học Cổ truyền VPhúc, Trường CDSP Phúc Yên	Vĩnh Phúc	2009-2010	Cty TNHH Cơ giới XDCN I	832
36.	Tuyến đường thoát nước Quảng trường TP Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2009-2010	Cty Quảng Lợi - Vĩnh Phúc	755
37.	Cầu Hợp Châu - QL2B - Tam Đảo - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2010	Cty CPTV Đầu tư và XD Hương Giang - CNHD	430
38.	Cảng xuất nhập hàng Nhà máy đóng tàu Bạch Hạc	Phú Thọ	2010	Cty Công trình đường thủy Vinawaco	407
39.	Trường Sĩ quan tăng thiết giáp (C600)	Vĩnh Phúc	2010	Cty 207 Bộ Quốc Phòng - CN 207-4	245

TT	TÊN DỰ ÁN VÀ VỊ TRÍ	ĐỊA ĐIỂM	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐẦU TƯ/ NHÀ THẦU CHÍNH	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN (TR.Đ)
40.	Khu chung cư Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2010	Vinaconex Xuân Mai - CN Láng Hoà Lạc	1.160
41.	Khu chung cư Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2010	Cty CP Xây lắp Vinaconex Xuân Mai	926
42.	Khu chung cư Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2010	Cty TNHH TM và XD Quang Minh	257
43.	Trung tâm thương mại Bình Minh	Phú Thọ	2010	Cty TNHH Bình Minh	232
44.	Nhà riêng, hộ kinh doanh nhỏ	Vĩnh Phúc	2010	Nhà riêng, hộ kinh doanh nhỏ	1.926
45.	Khu chung cư Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2011	Vinaconex Xuân Mai - CN Hà Đông	251
46.	Khu chung cư Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2011	Vinaconex Xuân Mai - CN Hoà Lạc	422
47.	Cty CP Cotabig - Cầu vượt đường sắt Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2011-2012	Cty CP Cotabig	6.798
48.	Cầu Đông Tỉnh - Tam Dương - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2011-2012	Cty CP tư vấn, ĐT và XD Hương Giang	882
49.	Thiên viện Trúc Lâm	Vĩnh Phúc	2011	Cty CP TM Sông Hồng Thủ Đô	210
50.	Trụ sở Công an tỉnh Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2011	Cty CP TM và XD PNV	241
51.	Nền nhà xưởng Khu công nghiệp Khai Quang	Vĩnh Phúc	2011	Cty CP xây lắp TM Chánh Phúc	118
52.	Cầu Thanh Lanh	Vĩnh Phúc	2011	Cty CP XD Hương Sơn	286
53.	Toà nhà Trụ sở Liên Cơ	Vĩnh Phúc	2011	Cty CP XD và ĐTPT nhà Vĩnh Phúc	206
54.	Cầu Vân Chi	Vĩnh Phúc	2011	Cty CP XD và TM á Đông	422
55.	Khu Biệt thự Nam Đầm Vạc, Biệt thự Sông Hồng Thủ Đô	Vĩnh Phúc	2011-2012	Cty TNHH ĐT và XD Thanh Sơn	636
56.	Trụ sở Công ty Thiên Đức	Vĩnh Phúc	2011	Cty TNHH Thiên Đức	201
57.	Nhà riêng, hộ kinh doanh nhỏ	Vĩnh Phúc	2011	Nhà riêng, hộ kinh doanh nhỏ	1.190
58.	Trường CD Kinh tế VP, Trường tiểu học Liên Minh, Trường Mầm non Khai Quang B Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2011-2012	Cty TNHH XD và TM Cường Minh	522
59.	Nhà máy ọc vù Lâm Viên	Vĩnh Phúc	31/02/12	Cty TNHH Trung Trách	294
60.	Trụ sở Ngân hàng Vietcom Bank Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	31/03/12	Cty CP Confitech Tân Đạt	469
61.	Nhà riêng, hộ kinh doanh nhỏ	Vĩnh Phúc	31/03/12	Nhà riêng, hộ kinh doanh nhỏ	188

TT	TÊN DỰ ÁN VÀ VỊ TRÍ	ĐỊA ĐIỂM	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐẦU TƯ/ NHÀ THẦU CHÍNH	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN (TR.Đ)
VI.	CUNG CẤP CỐNG, GẠCH, BÓ VÍA				6.902
1.	Cung cấp gạch cài phục vụ thi công công trình	Vĩnh Phúc	2004	Gạch cài thi công nhà riêng, hộ kinh doanh nhỏ	62
2.	Cung cấp cồng phục vụ thi công công trình	Vĩnh Phúc, Hà Nội	2005	Cống thi công công trình	235
3.	Cung cấp gạch cài phục vụ thi công công trình	Vĩnh Phúc, Hà Nội	2005	Gạch cài thi công nhà riêng, hộ kinh doanh nhỏ	96
4.	Cung cấp bó vĩa phục vụ thi công công trình	Vĩnh Phúc, Hà Nội	2005	Bó vĩa thi công công trình	62
5.	Cống D1000	Vĩnh Phúc	2006	CN Cty TNHH Toàn Thắng VP	104
6.	Cty Prime Hoa Cương	Vĩnh Phúc	2006	Cty TNHH Hoa Cương	130
7.	Cống D300	Hà Nội	2006	Cty TNHH TM XD & Công nghệ VN	127
8.	Cung cấp cồng, gạch cài phục vụ thi công công trình nhỏ	Vĩnh Phúc	2006	Cống, gạch cài thi công công trình nhỏ	170
9.	Cống thi công tại Khu chung cư Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2006	Vinaconex Xuân Mai	661
10.	Cống D300, D400, D600, D1000	Việt Trì Phú Thọ	2006-2007	Cty CP SX TMại Hữu Nghị	357
11.	Cống D300, D758, D1250		2006-2007	Cty CP XD số 9 - Vinaconex	341
12.	Cống thi công tại Khu chung cư Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2007	Vinaconex Xuân Mai	434
13.	Cống D1000, D1500, D2000	Việt Trì Phú Thọ	2007	Cty CP Kim Đức	345
14.	Cung cấp cồng, gạch cài phục vụ thi công công trình nhỏ	Vĩnh Phúc, Hà Nội, Tuyên Quang	2007	Cống, gạch cài thi công công trình nhỏ	334
15.	Cống thi công tại Khu chung cư Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2008	Vinaconex Xuân Mai	493
16.	Tuyến đường thoát nước Quảng trường TP Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	2008	Cty Quảng Lợi - Vĩnh Phúc	155
17.	Cung cấp cồng phục vụ thi công công trình nhỏ	Vĩnh Phúc	2008	Cống thi công công trình nhỏ	145
18.	Gạch cài thi công tại Khu chung cư Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2008	Vinaconex Xuân Mai - CN Hà Đông	187
19.	Cung cấp gạch cài phục vụ thi công công trình nhỏ	Vĩnh Phúc	2008	Gạch cài thi công công trình nhỏ	220
20.	Cống D500	Việt Trì Phú Thọ	2009	Cty Bảo Phương Phú Thọ	260
21.	Nhà máy Shinwon	Vĩnh Phúc	2009	Cty CP thi công cơ giới xây lắp	444

TT	TÊN DỰ ÁN VÀ VỊ TRÍ	ĐỊA ĐIỂM	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CHỦ ĐẦU TƯ/ NHÀ THẦU CHÍNH	GIÁ TRỊ THỰC HIỆN (TR.Đ)
22.	Cung cấp cống phục vụ thi công công trình nhỏ	Vĩnh Phúc, Hà Nội, Tuyên Quang	2009	Cống thi công công trình nhỏ	318
23.	Gạch cài thi công trường PTTH Tam Đảo 2	Vĩnh Phúc	2009	Trường PTTH Tam Đảo 2	87
24.	Cung cấp gạch cài, vữa phục vụ thi công công trình nhỏ	Vĩnh Phúc	2009	Gạch cài, vữa thi công công trình nhỏ	195
25.	Gạch cài thi công tại Khu chung cư Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2009-2010	Cty TNHH Thành Phát	184
26.	Bố vữa thi công tại Khu chung cư Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2009-2010	Cty TNHH Thành Phát	74
27.	Gạch cài thi công trường PTTH Tam Dương	Vĩnh Phúc	2009-2010	Trường PTTH Tam Dương	139
28.	Cống thi công tại Khu chung cư Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc	2009-2010	Cty TNHH Thành Phát	493
29.	Cung cấp cống, gạch cài phục vụ thi công công trình nhỏ	Vĩnh Phúc	2011	Cống, gạch cài thi công công trình nhỏ	49

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2012
CÔNG TY CP XUÂN MAI - ĐẠO TÚ



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thanh

CÔNG TY CP BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VINACONEX XUÂN MAI
CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Điện thoại: 0211.3895703

Fax: 0211.3895574

Website: www.betongdaotu.com - Email: xuanmaidaotu@yahoo.com.vn

Địa chỉ: Đạo Tú - Tam Dương - Vĩnh Phúc

===o0o===

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2009 ĐẾN NGÀY 31/12/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		92.164.062.078	58.144.537.939
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.467.107.026	1.500.392.055
1 Tiền	111	V.1.	1.467.107.026	1.500.392.055
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.409.179.242	4.881.535.772
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.19.1	17.684.216.289	1.279.404.324
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.19.2	1.974.001.753	3.497.891.903
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.		271.926.000
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(249.038.800)	(167.686.455)
IV Hàng tồn kho	140		68.467.110.017	50.750.522.850
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	68.467.110.017	50.750.522.850
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		2.820.665.793	1.012.087.262
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.770.518	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		694.904.417	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.19.3	2.119.990.858	1.012.087.262
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		37.501.177.578	18.092.814.854
(200=210+220+240+250+260)				
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		33.942.493.778	17.119.977.679
1 Tài sản cố định hữu hình	221		27.854.732.370	14.573.989.937
- Nguyên giá	222		38.667.058.745	21.386.944.951
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.812.326.375)	(6.812.955.014)
3 Tài sản cố định vô hình	227		300.000.000	300.000.000
- Nguyên giá	228		300.000.000	300.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6.	5.787.761.408	2.245.987.742
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		3.558.683.800	972.837.175
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	3.558.683.800	972.837.175
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		129.665.239.656	76.237.352.793

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Xã Đạo Tú - huyện Tam Dương - tỉnh Vĩnh Phúc

Tel: (0211) 3895575 Fax: (0211) 3895574

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ hoạt động

kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A NỢ PHẢI TRẢ (300= 310+330)	300		102.195.330.814	53.959.316.719
I Nợ ngắn hạn	310		100.283.339.914	53.959.316.719
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8.	38.135.890.414	3.250.000.000
2 Phải trả người bán	312	VIII.19.4	36.340.849.715	33.744.617.338
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.19.5	15.249.157.530	11.366.210.266
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	1.646.831.794	1.275.487.263
5 Phải trả người lao động	315		2.691.542.841	2.043.290.703
6 Chi phí phải trả	316		-	20.000.000
7 Phải trả nội bộ	317	VIII.19.6		-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10.	6.219.067.620	2.259.711.149
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II Nợ dài hạn	330		1.911.990.900	-
1 Vay dài hạn	334		1.911.990.900	
2 Nợ dài hạn	334			
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		27.469.908.842	22.278.036.074
I Vốn chủ sở hữu	410		27.173.825.083	22.263.736.074
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		21.500.000.000	19.914.000.000
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		447.277.546	
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		118.486.804	
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.108.060.733	2.349.736.074
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		296.083.759	14.300.000
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		296.083.759	14.300.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		129.665.239.656	76.237.352.793

Vĩnh Phúc, ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Phượng

Mai Xuân Toàn

Nguyễn Tranh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009	Năm 2008
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.12.	124.441.955.664	96.689.393.082
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=10-11)	10	VI.13.	124.441.955.664	96.689.393.082
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.14.	99.584.610.498	75.102.341.925
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		24.857.345.166	21.587.051.157
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.15.	24.968.097	11.293.132
7 Chi phí tài chính	22	VI.16.	2.998.830.748	4.515.526.492
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.998.830.748	4.515.526.492
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.19.7	8.860.144.835	8.376.247.977
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.19.8	6.103.229.847	4.291.764.807
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		6.920.107.833	4.414.805.013
11 Thu nhập khác	31	VIII.19.9	786.359.702	54.840.000
12 Chi phí khác	32		865.737.112	
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(79.377.410)	54.840.000
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		6.840.730.423	4.469.645.013
15 Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành.(*)	51		1.659.373.357	921.564.029
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.181.357.066	3.548.080.984
17 Lãi từ năm trước chuyển sang	70			9.537.714
18 Chuyển lãi về Công ty Vinaconex Xuân Mai	71		(73.296.333)	(1.187.882.624)
19 Lãi (lỗ) lũy kế	80		5.108.060.733	2.369.736.074

Vĩnh Phúc, ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Người lập

g huy

Nguyễn Ngọc Phương

Kế toán trưởng

mm

Mai Xuân Toàn

Giám đốc



Nguyễn Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2009 đến ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009	Năm 2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		6.840.730.423	4.469.645.013
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2		4.373.194.950	2.018.977.175
- Các khoản dự phòng	3		81.352.345	167.686.455
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(24.968.097)	(11.293.132)
- Chi phí lãi vay	6		2.998.830.748	4.515.526.492
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		14.269.140.369	11.160.542.003
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(16.014.403.828)	(2.263.012.796)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17.716.587.167)	(15.823.941.738)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		10.720.533.467	18.109.504.967
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.591.617.143)	(2.425.259.634)
- Tiền lãi vay phải trả	13		(2.998.830.748)	(4.515.526.492)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(941.774.043)	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(9.571.949.166)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(24.845.488.259)	4.242.306.310
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.904.427.987)	(1.278.091.236)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		782.385.202	42.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.968.097	11.293.132
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.097.074.688)	(1.224.798.104)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.586.000.000	3.614.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		80.468.954.130	13.949.785.974
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(43.671.072.816)	(20.685.801.491)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.474.603.396)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		36.909.277.918	(3.122.015.517)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(33.285.029)	(104.507.311)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.500.392.055	1.604.899.366
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		1.467.107.026	1.500.392.055

Vĩnh Phúc, ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Ngọc Phượng

Mai Xuân Toàn

Nguyễn Tranh

CÔNG TY CP BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VINACONEX XUÂN MAI
CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Điện thoại: 0211.3895703

Fax: 0211.3895574

Website: www.betongdaotu.com - Email: xuanmaidaotu@yahoo.com.vn

Địa chỉ: Đạo Tú - Tam Dương - Vĩnh Phúc

===o0o===

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2010 ĐẾN NGÀY 31/12/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		116.011.030.122	92.164.062.078
A (100=110+120+130+140+150)				
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		960.595.515	1.467.107.026
1 Tiền	111	V.1.	960.595.515	1.467.107.026
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.170.521.706	19.409.179.242
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	35.228.740.186	17.684.216.289
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	160.885.020	1.974.001.753
3 Phải thu nội bộ	133		-	-
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(219.103.500)	(249.038.800)
IV Hàng tồn kho	140		78.741.002.244	68.467.110.017
1 Hàng tồn kho	141	V.2.	78.741.002.244	68.467.110.017
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		1.138.910.657	2.820.665.793
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	5.770.518
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	694.904.417
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	1.138.910.657	2.119.990.858
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		47.844.986.766	37.501.177.578
(200=210+220+240+250+260)				
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		42.336.489.718	33.942.493.778
1 Tài sản cố định hữu hình	221		42.036.489.718	27.854.732.370
- Nguyên giá	222		58.361.708.778	38.667.058.745
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16.325.219.060)	(10.812.326.375)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	227		300.000.000	300.000.000
- Nguyên giá	228		300.000.000	300.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6.	-	5.787.761.408
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		5.508.497.048	3.558.683.800
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	5.508.497.048	3.558.683.800
2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3 Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		163.356.016.588	129.665.239.656

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		111.355.322.182	102.491.414.573
I Nợ ngắn hạn	310		106.758.681.282	100.579.423.673
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8.	51.772.263.887	38.135.890.414
2 Phải trả người bán	312	VIII.2.4	31.161.814.695	36.340.849.715
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5	13.713.529.577	15.249.157.530
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	3.778.313.016	1.646.831.794
5 Phải trả người lao động	315		2.589.301.310	2.691.542.841
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10.	3.420.458.585	6.219.067.620
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	325		323.000.212	296.083.759
II Nợ dài hạn	330		4.596.640.900	1.911.990.900
1 Vay dài hạn	334		4.596.640.900	1.911.990.900
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		52.500.694.706	27.173.825.083
I Vốn chủ sở hữu	410		52.500.694.706	27.173.825.083
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	21.500.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		5.634.000.000	
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		1.123.129.168	447.277.546
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		373.889.841	118.486.804
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.369.675.697	5.108.060.733
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			
12 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp (TK417)	422			
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	432		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		163.856.016.888	129.665.239.656

Vĩnh Phúc, ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TỬ

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

g huy

mm



Nguyễn Ngọc Phượng

Mai Xuân Toàn

Nguyễn Tranh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 31/12/2010	Năm 2009
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.12.	184.513.667.913	124.441.955.664
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=10-11)	10		184.513.667.913	124.441.955.664
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.13.	145.425.723.120	99.584.610.498
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		39.087.944.793	24.857.345.166
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.14.	1.449.978.354	24.968.097
7 Chi phí tài chính	22	VI.15.	7.325.217.860	2.998.830.748
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.325.217.860	2.998.830.748
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.2.6	14.103.156.023	8.860.144.835
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.7	9.051.601.233	6.103.229.847
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		10.037.948.031	6.920.107.833
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.8	7.974.846.330	786.359.702
12 Chi phí khác	32		7.945.646.586	865.737.112
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		29.199.744	(79.377.410)
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		10.067.147.775	6.840.730.423
15 Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành.(*)	51		2.521.786.944	1.659.373.357
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		7.565.360.831	5.181.357.066
17 Lãi từ năm trước chuyển sang	70			
18 Chuyển lãi về Công ty Vinaconex Xuân Mai	71		(95.685.134)	(73.296.333)
19 Lãi (lỗ) lũy kế	80		7.469.675.697	5.108.060.733

Vĩnh Phúc, ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TỬ

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm

Mai Xuân Toàn



Nguyễn Tranh

Nguyễn Ngọc Phượng

Mai Xuân Toàn

CÔNG TY CP BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG VINACONEX XUÂN MAI
CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Điện thoại: 0211.3895703

Fax: 0211.3895574

Website: www.betongdaotu.com - Email: xuanmaidaotu@yahoo.com.vn

Địa chỉ: Đạo Tú - Tam Dương - Vĩnh Phúc

===o0o===

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2011 ĐẾN NGÀY 31/12/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		185.536.220.568	116.011.030.122
A (100=110+120+130+140+150)				
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		507.202.754	960.595.515
1 Tiền	111	V.1.	507.202.754	960.595.515
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		110.507.965.025	35.170.521.706
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	104.295.276.236	35.228.740.186
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	5.853.089.898	160.885.020
5 Các khoản phải thu khác	135		494.866.391	
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(135.267.500)	(219.103.500)
IV Hàng tồn kho	140		72.381.749.241	78.741.002.244
1 Hàng tồn kho	141	V.2.	72.381.749.241	78.741.002.244
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		2.139.303.548	1.138.910.657
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	2.139.303.548	1.138.910.657
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		50.510.350.319	47.844.986.766
(200=210+220+240+250+260)				
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		45.039.752.011	42.336.489.718
1 Tài sản cố định hữu hình	221		40.756.405.991	42.036.489.718
- Nguyên giá	222		63.324.791.923	58.361.708.778
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(22.568.385.932)	(16.325.219.060)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		3.967.593.274	-
- Nguyên giá	225		4.210.853.364	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(243.260.090)	-
3 Tài sản cố định vô hình	227		-	300.000.000
- Nguyên giá	228		-	300.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6.	315.752.746	-
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V Tài sản dài hạn khác	260		5.470.598.308	5.508.497.048
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	5.111.534.973	5.508.497.048
2 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3 Tài sản dài hạn khác	268		359.063.335	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		236.046.570.887	163.856.016.888

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A NỢ PHẢI TRẢ (300= 310+330)	300		176.873.275.591	111.355.322.182
I Nợ ngắn hạn	310		173.087.136.033	106.758.681.282
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8.	60.423.178.858	51.772.263.887
- Vay ngắn hạn	0		57.843.894.062	51.772.263.887
- Nợ dài hạn đến hạn trả	0		2.579.284.796	
2 Phải trả người bán	312	VIII.2.4	50.256.856.294	31.161.814.695
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5	38.526.072.033	13.713.529.577
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	12.371.902.187	3.778.313.016
5 Phải trả người lao động	315		6.862.281.996	2.589.301.310
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10.	4.232.584.233	3.420.458.585
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			-
11 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		414.260.432	323.000.212
II Nợ dài hạn	330		3.786.139.558	4.596.640.900
1 Phải trả dài hạn người bán	331			
4 Vay dài hạn	334		3.505.967.405	4.596.640.900
- Vay dài hạn	0		1.673.440.900	4.596.640.900
- Nợ dài hạn			1.832.526.505	
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		280.172.153	-
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		59.173.295.296	52.500.694.706
I Vốn chủ sở hữu	410		59.173.295.296	52.500.694.706
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		3.634.000.000	3.634.000.000
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		2.173.969.177	1.123.129.168
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		747.373.626	373.889.841
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.617.952.493	7.369.675.697
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		236.046.570.887	163.856.016.888

Vĩnh Phúc, ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phan Thị Thanh Doan

Nguyễn Ngọc Phượng

Nguyễn Tranh



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 31/12/2011	Năm 2010
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.12.	277.021.674.865	184.513.667.913
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=10-11)	10		277.021.674.865	184.513.667.913
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.13.	220.166.964.964	145.425.723.120
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		56.854.709.901	39.087.944.793
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.14.	5.455.580.559	1.449.978.354
7 Chi phí tài chính	22	VI.15.	12.709.445.609	7.325.217.860
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.709.445.609	7.325.217.860
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.2.6	18.970.163.066	14.103.156.023
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.7	13.240.834.106	9.051.601.233
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		17.389.847.679	10.057.948.031
11 Thu nhập khác	31	VIII.2.8	304.045.656	7.974.846.330
12 Chi phí khác	32		203.290.011	7.945.646.586
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		100.755.645	29.199.744
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		17.490.603.324	10.087.147.775
15 Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành.(*)	51		4.372.650.831	2.521.786.944
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		13.117.952.493	7.565.360.831

Vĩnh Phúc, ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Người lập

Phan Thị Thanh Doan

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Phương

Giám đốc



Nguyễn Tranh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 31/12/2011	Năm 2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		17.490.603.324	10.087.147.775
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2		7.167.664.613	5.915.960.110
- Các khoản dự phòng	3		196.336.153	(29.935.300)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(5.495.536.335)	(1.449.978.354)
- Chi phí lãi vay	6		12.709.445.609	7.325.217.860
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		32.068.513.364	21.848.412.091
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(76.254.000.210)	(14.452.822.546)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.359.253.003	(10.273.892.227)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		55.331.163.956	(23.208.955.480)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		629.049.378	(1.944.042.730)
- Tiền lãi vay phải trả	13		(12.709.445.609)	(7.325.217.860)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.116.805.227)	(2.100.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.374.437.350)	(579.561.091)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.933.291.305	(38.036.079.843)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.308.940.795)	(6.881.080.081)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		239.872.727	7.945.646.586
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.455.580.559	1.449.978.354
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.613.487.509)	2.514.544.859
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			22.134.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		135.067.519.951	116.801.118.639
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(130.457.489.776)	(100.480.095.166)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(402.842.399)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.980.384.333)	(3.440.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(773.196.557)	35.015.023.473
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(453.392.761)	(506.511.511)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		960.595.515	1.467.107.026
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		507.202.754	960.595.515

Vĩnh Phúc, ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XUÂN MAI - ĐẠO TÚ

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phan Thị Thanh Doan

Nguyễn Ngọc Phượng

Nguyễn Tranh